

HỌC TIẾNG ANH QUA VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Tổng hợp, dân trang, hướng dẫn: Luật gia Nguyễn An Thủy

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE NATIONAL ASSEMBLY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence – Freedom – Happiness

Luật số:
102/2016/QH1
3

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2016

Number: 102/2016/QH13

Ha Noi, April 05, 2016

LUẬT TRẺ EM

LAW ON CHILDREN

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật trẻ em.*

*Pursuant to the Constitution of the Socialist Republic of Vietnam;
The National Assembly promulgates the Law on Children.*

Chương I

Chapter I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

GENERAL PROVISIONS

Điều 1. Trẻ em

Trẻ em là người dưới 16 tuổi.

Article 1. Children

A child is a person below the age of sixteen.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về quyền, bổn phận của trẻ em; nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

Article 2. Scope of regulation

This Law prescribes the rights and duties of children; the principles and measures to guarantee children's rights; and the responsibilities of agencies, organizations, educational institutions, families and individuals in realizing children's rights and duties.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ sở giáo dục, gia đình, công dân Việt Nam; cơ quan, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, cá nhân là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân).

Article 3. Subjects of application

Vietnamese state agencies, political organizations, socio-political organizations, socio-politico-professional organizations, social organizations, socio-professional organizations, economic organizations, non-business units, people's armed force units, educational institutions, families and citizens; international agencies and organizations, and foreign organizations operating in the Vietnamese territory, foreigners residing in Vietnam (below referred collectively to as agencies, organizations, educational institutions, families and individuals).

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Article 4. Interpretation of terms

In this Law, the terms below are construed as follows:

1. Bảo vệ trẻ em là việc thực hiện các biện pháp phù hợp để bảo đảm trẻ em được sống an toàn, lành mạnh; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em; trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

1. Child protection means the application of appropriate measures to ensure that children live safely and healthily; to prevent, stop and handle acts of child abuse; and to support disadvantaged children.

2. Phát triển toàn diện của trẻ em là sự phát triển đồng thời cả về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội của trẻ em.

2. All-sided development of a child means the simultaneous development of the physical strength, intelligence, spirit, morality and social relations of a child.

3. Chăm sóc thay thế là việc tổ chức, gia đình, cá nhân nhận trẻ em về chăm sóc, nuôi dưỡng khi trẻ em không còn cha mẹ; trẻ em không được hoặc không thể sống cùng cha đẻ, mẹ đẻ; trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang nhằm bảo đảm sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em.

3. Alternative care means the care and nurture given by an organization, a family or an individual to an orphan, a child who is disallowed or unable to live with his/her biological parents, or a child who is affected by a natural disaster, a catastrophe or armed conflicts in order to ensure his/her safety and best interests.

4. Người chăm sóc trẻ em là người đảm nhận nhiệm vụ chăm sóc trẻ em, bao gồm người giám hộ của trẻ em; người nhận chăm sóc thay thế hoặc người được giao trách nhiệm cùng với cha, mẹ của trẻ em cấp dưỡng, chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

4. A child's caregiver means a person who performs the task of taking care of a child. A child's caregiver may be his/her guardian, an alternative caregiver or another person assigned to assist, take care of and protect a child together with his/her parents.

5. Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác.

5. Child abuse means acts that cause harm to the physical strength, emotion, psychology, honor and dignity of a child in form of violence, exploitation, sexual abuse, trafficking, abandonment, neglect or other harmful forms.

6. Bạo lực trẻ em là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của trẻ em.

6. Child violence means acts of persecuting, maltreating, beating; infringing upon the body and health; insulting or hurting the honor or dignity; isolating, driving away and other intentional acts that cause physical and mental harms to a child.

7. Bóc lột trẻ em là hành vi bắt trẻ em lao động trái quy định của pháp luật về lao động; trình diễn hoặc sản xuất sản phẩm khiêu dâm; tổ chức, hỗ trợ hoạt động du lịch nhằm mục đích xâm hại tình dục trẻ em; cho, nhận hoặc cung cấp trẻ em để

7. Child exploitation means acts of forcing a child to work in contravention of the labor law; demonstrating or manufacturing pornographic products; organizing or supporting tourist activities for the purpose of child sexual abuse; giving, receiving or supplying

LUẬT TRẺ EM

hoạt động mại dâm và các hành vi khác sử dụng trẻ em để trục lợi.

8. *Xâm hại tình dục trẻ em* là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.

9. *Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em* là hành vi của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

10. *Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt* là trẻ em không đủ điều kiện thực hiện được quyền sống, quyền được bảo vệ, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, quyền học tập, cần có sự hỗ trợ, can thiệp đặc biệt của Nhà nước, gia đình và xã hội để được an toàn, hòa nhập gia đình, cộng đồng.

11. *Giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em* là việc xem xét, đánh giá hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và giải quyết các ý kiến, kiến nghị của trẻ em, bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Điều 5. Nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em

1. Bảo đảm để trẻ em thực hiện được đầy đủ quyền và bổn phận của mình.

2. Không phân biệt đối xử với trẻ em.

3. Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em.

4. Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em.

5. Khi xây dựng chính sách, pháp luật tác động đến trẻ em, phải xem xét ý kiến của trẻ em và của các cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, ngành và địa phương.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tước đoạt quyền sống của trẻ em.

2. Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

3. Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em.

4. Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn.

5. Sử dụng, rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác.

6. Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình.

7. Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, cơ sở giáo dục, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

8. Kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em.

9. Bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em.

10. Cung cấp dịch vụ Internet và các dịch vụ khác; sản xuất, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và

LAW ON CHILDREN

children for prostitution activities and other acts of employing children for self-seeking purposes.

8. Child sexual abuse means the use of violence, threat to use violence, coercion, dragging, or enticement of a child into sex-related acts, including raping, coercive intercourse, sexual intercourse, debauchery with a child or employing a child for prostitution or pornographic purposes in any form.

9. Child abandonment or neglect means the failure to perform or fulfill the obligations and responsibilities to take care of, and nurture a child by his/her parents or caregivers.

10. Disadvantaged children are those who have not enough conditions to exercise their rights to live, to be protected, to be taken care of and nurtured, and to learn, and need the support and special intervention from the State, families and the society for their safety and integration into their families and communities.

11. Supervision of the exercise of children's rights according to their opinions and aspirations means the examination and assessment of activities of agencies, organizations and individuals related to the responsibility to ensure the exercise of children's rights and the settlement of children's opinions and recommendations in their best interests.

Article 5. Principles of guaranteeing the realization of children's rights and duties

1. Guaranty for children to fully exercise their rights and perform their duties.

2. Non-discrimination against children.

3. Guaranty of children's best interests in decisions related to children.

4. Respect for, listening to, consideration of, and response to, children's opinions and aspirations.

5. In the course of making policies and laws that affect children, opinions of children and related agencies and organizations shall be taken into account; children-related objectives and targets shall be incorporated into national, sectoral and local socio-economic development master plans and plans.

Article 6. Prohibited acts

1. Depriving children of the right to live.

2. Abandoning, neglecting, trafficking, kidnapping, fraudulently exchanging or appropriating children.

3. Sexually infringing upon, committing violence against, abusing or exploiting children.

4. Organizing, supporting, inciting and coercing underage marriages.

5. Employing, enticing, inciting, provoking, taking advantage of, dragging, seducing and forcing children to commit illegal acts or hurt the honor or dignity of other people.

6. Obstructing children from exercising their rights and performing their duties.

7. Declining to provide, or covering up, hindering the provision of information on children being abused or children at risk of exploitation or violence to their families, educational institutions, agencies or competent persons.

8. Committing bias or discrimination against children due to their personal characteristics, family circumstances, gender, ethnicity, nationality, belief and religion.

9. Selling to children or letting children use alcohol, beer, cigarettes and other habit-forming substances or stimulants and food that is unsafe and harmful to children.

10. Providing Internet and other services; producing, duplicating, circulating, operating, spreading, owning, transporting, storing and trading in publications, toys, games and other products serving children

LUẬT TRẺ EM

những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em nhưng có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em.

11. Công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được **sự đồng ý của trẻ em** từ đủ 07 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em.

12. Lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em; lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân dành cho trẻ em **để trục lợi**.

13. Đặt cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, **có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ** gần cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, Điểm vui chơi, giải trí của trẻ em hoặc đặt cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em gần cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ.

14. Lấn chiếm, sử dụng cơ sở hạ tầng dành cho việc học tập, vui chơi, giải trí và hoạt động dịch vụ bảo vệ trẻ em **sai mục đích hoặc trái quy định của pháp luật**.

15. Từ chối, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc hỗ trợ, can thiệp, điều trị trẻ em có nguy cơ hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm, **bị tổn hại thân thể, danh dự, nhân phẩm**.

Điều 7. Nguồn lực bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em

1. Nhà nước bảo đảm nguồn lực thực hiện **mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em** trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, ngành và địa phương; **ưu tiên bố trí nguồn lực** để bảo vệ trẻ em, bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.

2. Nguồn tài chính thực hiện quyền trẻ em bao gồm ngân sách nhà nước; ủng hộ của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong nước, nước ngoài; nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ; viện trợ quốc tế và các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Nhà nước có giải pháp về nhân lực và bảo đảm Điều kiện cho việc thực hiện quyền trẻ em; phát triển mạng lưới người được giao làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp, **ưu tiên bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã và vận động nguồn lực** để phát triển mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, xóm.

Điều 8. Nội dung quản lý nhà nước về trẻ em

1. Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc **ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật** và chỉ đạo, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về trẻ em.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, mục tiêu quốc gia về trẻ em.

3. Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân về biện pháp, quy trình, tiêu chuẩn bảo đảm thực hiện quyền trẻ em **theo quy định của pháp luật**.

4. **Tuyên truyền**, giáo dục pháp luật về trẻ em; truyền thông, **phổ biến** kiến thức, kỹ năng và **vận động xã hội** thực hiện quyền trẻ em.

5. Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng **đội ngũ cán bộ**, công chức, viên chức, người **được giao làm công tác bảo vệ trẻ em**, người chăm sóc trẻ em và mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em thực hiện quyền của trẻ em.

6. **Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về trẻ em; giải quyết khiếu nại, tố cáo** và xử lý vi phạm pháp luật về trẻ em; giải quyết, **đôn đốc** việc giải quyết ý kiến, **kiến nghị** của trẻ

LAW ON CHILDREN

which contain contents affecting their healthy development.

11. Announcing or disclosing information on personal lives or secrets of children without the **consent of children** who have reached full 7 years of age and of their parents or guardians.

12. Abusing the alternative care to harm children; taking advantage of regimes and policies of the State or of the support and assistance of organizations and individuals for children **for self-seeking purposes**.

13. Locating service establishments, production establishments or goods storehouses which cause environmental pollution or hazards or **are prone to fire and explosion** near child protection service establishments, educational institutions, medical or cultural establishments, or play and recreation centers for children, or vice versa.

14. Occupying or using infrastructure facilities reserved for children's learning, play and recreation activities or child protection services **for improper purposes or in contravention of law**.

15. Refusing to provide, failing to provide or inadequately and untimely providing assistance, intervention and treatment for children who are at risk or in danger of **suffering bodily, honor and dignity harms**.

Article 7. Resources for ensuring the exercise of children's rights and protection of children

1. The State shall allocate resources for the achievement of **children-related objectives and targets** in national, sectorial and local socio-economic development master plans and plans; **prioritize the allocation of resources** for the protection of children and assurance of the exercise of children's rights.

2. Financial sources for the exercise of children's rights include state budget; donations from domestic and foreign agencies, organizations, families and individuals; revenues from the provision of services; international aid and other lawful revenues.

3. The State shall adopt human resource solutions and facilitate the exercise of children's rights; develop the network of child protection officers at all levels, **giving priority to** the arrangement of child protection officers at the commune level, and mobilize resources for the development of the network of child protection collaborators in rural and mountainous villages and urban street groups and quarters.

Article 8. Contents of state management of children

1. Submitting to competent state agencies for promulgation or **promulgating according to competence legal documents** on child protection, and directing and organizing the implementation thereof.

2. Formulating, and organizing the implementation of national strategies, policies and targets on children.

3. Providing guidance for agencies, organizations, educational institutions, families and individuals on measures, processes and criteria to ensure the exercise of children's rights **in accordance with law**.

4. **Disseminating** and educating about the law on children; communicating and **disseminating** knowledge and skills on the exercise of children's rights and **mobilizing the society** to realize children's rights.

5. Building up, training and retraining the **contingent of officials**, civil servants, public employees and persons **assigned to perform child protection work**, caregivers of children and child protection collaborators for the exercise of children's rights.

6. **Inspecting and examining the implementation** of the law on children; **settling complaints and denunciations** and handling violations of the law on children; settling, and **pressing for** the settlement of opinions

LUẬT TRẺ EM	LAW ON CHILDREN
em, người giám hộ và tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em.	and petitions of children, their guardians and organizations representing children’s voices and aspirations.
7. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo về tình hình trẻ em và việc thực hiện pháp luật về trẻ em cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	7. Performing the work of statistics, information and reporting on children and on the implementation of the law on children to competent state agencies.
8. Hợp tác quốc tế về thực hiện quyền trẻ em.	8. Implementing international cooperation on exercise of children’s rights.
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em	Article 9. Responsibility to coordinate in the realization of children’s rights and duties
1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em và cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trẻ em.	1. Ministries, ministerial-level agencies and government-attached agencies shall coordinate with state management agencies in charge of children and related agencies and organizations in carrying out inspections and examinations, settling proposals, complaints and denunciations, and handling violations of the law on children.
2. Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân có trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em; hỗ trợ, tạo điều kiện để trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình theo quy định của pháp luật; phối hợp, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện .	2. Agencies, organizations, educational institutions, families and individuals shall ensure the realization of children’s rights and duties; support and create conditions for children to exercise their rights and perform their duties as prescribed by law; and coordinate and exchange information with one another in the course of implementation .
3. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến trẻ em.	3. Socio-political organizations and social organizations shall coordinate with state management agencies in charge of children in the course of performing children-related tasks.
Điều 10. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Article 10. Disadvantaged children
1. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm các nhóm sau đây:	1. Disadvantaged children are classified into the following categories:
a) Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ;	a/ Orphans;
b) Trẻ em bị bỏ rơi;	b/ Abandoned children;
c) Trẻ em không nơi nương tựa;	c/ Children who have no one to rely on;
d) Trẻ em khuyết tật;	d/ Children with disabilities;
đ) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS;	đ/ HIV/AIDS-infected children;
e) Trẻ em vi phạm pháp luật;	e/ Juvenile delinquents;
g) Trẻ em nghiện ma túy;	g/ Narcotic-addicted children;
h) Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở;	h/ Children who dropped out of school for livelihood before completing lower secondary education;
i) Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực;	i/ Children suffering serious physical and mental harms due to violence;
k) Trẻ em bị bóc lột;	k/ Exploited children;
l) Trẻ em bị xâm hại tình dục;	l/ Sexually abused children;
m) Trẻ em bị mua bán;	m/ Trafficked children;
n) Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;	n/ Children of poor or near-poor households who suffer a dangerous disease or a disease requiring long-term treatment;
o) Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.	o/ Migrant and refugee children whose parents have not yet been identified or who are unaccompanied.
2. Chính phủ quy định chi tiết các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và chính sách hỗ trợ phù hợp đối với từng nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	2. The Government shall detail categories of disadvantaged children and appropriate support policies for every category of disadvantaged children.
Điều 11. Tháng hành động vì trẻ em	Article 11. Month of Action for Children
1. Tháng hành động vì trẻ em được tổ chức vào tháng 6 hằng năm để thúc đẩy phong trào toàn dân chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; tuyên truyền, phổ biến, vận động cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án, xây dựng các công trình và vận động nguồn lực cho trẻ em.	1. June shall be taken as the Month of Action for Children every year in order to promote the all-people child care, education and protection movement; to disseminate policies, programs, plans and projects on construction of facilities for children and mobilize agencies, organizations, educational institutions, families and individuals to implement them and to mobilize resources for children.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì , phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để chỉ đạo, tổ chức và hướng dẫn thực hiện Tháng hành động vì trẻ em.	2. The Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs shall assume the prime responsibility for , and coordinate with related agencies and organizations in, directing, organizing and guiding the implementation of the Month of Action for Children.
Chương II	Chapter II
QUYỀN VÀ BỔN PHẬN CỦA TRẺ EM	RIGHTS AND DUTIES OF CHILDREN
Mục 1. QUYỀN CỦA TRẺ EM	Section 1. RIGHTS OF CHILDREN
Điều 12. Quyền sống	Article 12. Right to life

LUẬT TRẺ EM	LAW ON CHILDREN
Trẻ em có quyền được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các Điều kiện sống và phát triển.	The child has the right to have his/her life protected and to be guaranteed with best conditions for his/her survival and development.
Điều 13. Quyền được khai sinh và có quốc tịch Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử , có họ, tên, có quốc tịch; được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật.	Article 13. Right to have birth registered and have citizenship The child has the right to birth registration and death certification , to a family name and a given name, and to acquire a citizenship; and to have his/her parents, nationality and gender identified in accordance with law.
Điều 14. Quyền được chăm sóc sức khỏe Trẻ em có quyền được chăm sóc tốt nhất về sức khỏe, được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh.	Article 14. Right to healthcare The child has the right to best healthcare and to priority in the access to and use of disease prevention and examination and treatment services.
Điều 15. Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện .	Article 15. Right to be taken care of and nurtured The child has the right to be taken care of and nurtured for all-sided development
Điều 16. Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu 1. Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân . 2. Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu , sáng tạo, phát minh.	Article 16. Right to education, learning and talent development 1. The child has the right to education and learning for all-sided development and promotion of his/her personal potential to the utmost . 2. All children are equal in learning and education opportunities; have the right to develop their talent, aptitude , creativity and innovation.
Điều 17. Quyền vui chơi, giải trí Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí; được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi.	Article 17. Right to play and recreation The child has the right to play and recreation; to equality in opportunities to participate in cultural, artistic, physical training, sports and tourist activities suitable to his/her age.
Điều 18. Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc 1. Trẻ em có quyền được tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân phù hợp với độ tuổi và văn hóa dân tộc; được thừa nhận các quan hệ gia đình. 2. Trẻ em có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.	Article 18. Right to preserve and promote identity 1. The child has the right to respect for his/her personal characteristics and values suitable to his/her age and ethnic culture; to have his/her family ties recognized. 2. The child has the right to use the spoken and written language and to preserve and bring into play the fine cultural traditions, customs and practices of his/her ethnicity.
Điều 19. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo Trẻ em có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào và phải được bảo đảm an toàn, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.	Article 19. Right to freedom of belief and religion The child has the right to freedom of belief and religion, to follow or not follow any religion and to safety in his/her best interests.
Điều 20. Quyền về tài sản Trẻ em có quyền sở hữu, thừa kế và các quyền khác đối với tài sản theo quy định của pháp luật .	Article 20. Property rights The child has the right to property ownership and inheritance and other property-related rights prescribed by law .
Điều 21. Quyền bí mật đời sống riêng tư 1. Trẻ em có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. 2. Trẻ em được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; được bảo vệ và chống lại sự can thiệp trái pháp luật đối với thông tin riêng tư.	Article 21. Right to privacy 1. The child has the inviolable rights to privacy, personal secrets and family secrets in his/her best interests. 2. The child has his/her honor, dignity, reputation, mail, telephone, telegraph secrets and other forms of exchange of private information protected by law; has his/her private information protected against unlawful intervention.
Điều 22. Quyền được sống chung với cha, mẹ Trẻ em có quyền được sống chung với cha, mẹ; được cả cha và mẹ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, trừ trường hợp cách ly cha, mẹ theo quy định của pháp luật hoặc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Khi phải cách ly cha, mẹ, trẻ em được trợ giúp để duy trì mối liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ, gia đình, trừ trường hợp không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.	Article 22. Right to live with parents The child has to right to live with his/her parents; to be protected, taken care of and educated by both parents, except the case of separation from parents as prescribed by law or for the child's best interests. When being separated from his/her parents, the child shall be assisted in maintaining his/her relations and contacts with his/her parents and family, except cases where it is not in his/her best interests.
Điều 23. Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ Trẻ em có quyền được biết cha đẻ, mẹ đẻ, trừ trường hợp ảnh hưởng đến lợi ích tốt nhất của trẻ em; được duy trì mối liên hệ hoặc tiếp xúc với cả cha và mẹ khi trẻ em, cha, mẹ cư trú ở các quốc gia khác nhau hoặc khi bị giam giữ, trục xuất ; được tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất cảnh, nhập cảnh để đoàn tụ	Article 23. Right to reunion, relations and contacts with parents The child has the right to know his/her biological parents, except cases where it could affect his/her best interests; to maintain relations and contacts with both parents when the child and his/her parents reside in different countries or are detained or deported ; to be provided with favorable immigration conditions for reunion with his/her parents; to be

LUẬT TRẺ EM	LAW ON CHILDREN
với cha, mẹ; được bảo vệ không bị đưa ra nước ngoài trái quy định của pháp luật; được cung cấp thông tin khi cha, mẹ bị mất tích.	protected from being illegally transferred abroad; to be supplied with information upon the missing of their parents.
Điều 24. Quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi	Article 24. Right to alternative care and adoption
1. Trẻ em được chăm sóc thay thế khi không còn cha mẹ; không được hoặc không thể sống cùng cha đẻ, mẹ đẻ; bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang vì sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em.	1. The child is entitled to alternative care when he/she loses his/her parents; is disallowed or unable to live with his/her biological parents; is affected by a natural disaster, a catastrophe, or armed conflicts, for the sake of his/her safety and best interests.
2. Trẻ em được nhận làm con nuôi theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi.	2. The child may be adopted in accordance with the adoption law.
Điều 25. Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục	Article 25. Right to be protected from sexual abuse
Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị xâm hại tình dục.	The child has the right to be protected in all forms from sexual abuse.
Điều 26. Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động	Article 26. Right to be protected from labor exploitation
Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em.	The child has the right to be protected in all forms from labor exploitation; from underage labor, overtime work or heavy, hazardous or dangerous work as prescribed by law; from performing work or working in a workplace that could adversely affect his/her personality and all-sided development.
Điều 27. Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc	Article 27. Right to be protected from violence, abandonment and neglect
Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện của trẻ em.	The child has the right to be protected in all forms from violence, abandonment and neglect, which are prejudicial to his/her all-sided development.
Điều 28. Quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt	Article 28. Right to be protected from trafficking, kidnapping, fraudulent exchange and appropriation
Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt.	The child has the right to be protected in all forms from trafficking, kidnapping, fraudulent exchange or appropriation.
Điều 29. Quyền được bảo vệ khỏi chất ma túy	Article 29. Right to be protected from narcotics
Trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức sử dụng, sản xuất, vận chuyển, mua, bán, tàng trữ trái phép chất ma túy.	The child has the right to be protected in all forms from the unlawful use, production, transportation, purchase, sale and storage of narcotics.
Điều 30. Quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính	Article 30. Right to be protected in legal proceedings and administrative handling
Trẻ em có quyền được bảo vệ trong quá trình tố tụng và xử lý vi phạm hành chính; bảo đảm quyền được bào chữa và tự bào chữa, được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; được trợ giúp pháp lý, được trình bày ý kiến, không bị tước quyền tự do trái pháp luật; không bị tra tấn, truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể, gây áp lực về tâm lý và các hình thức xâm hại khác.	The child has the right to be protected in legal proceedings and during the course of administrative handling; has his/her right to defense and self-defense guaranteed, to protection of lawful rights and interests; to legal aid; to present his/her opinions; not to be unlawfully deprived of his/her liberty; not to be subject to torture, coercion, corporal punishment, honor and dignity hurt, body infringement, psychological stress and other forms of infringement.
Điều 31. Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang	Article 31. Right to be protected when facing a natural disaster, a catastrophe environmental pollution, and armed conflicts
Trẻ em có quyền được ưu tiên bảo vệ, trợ giúp dưới mọi hình thức để thoát khỏi tác động của thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang.	The child has the priority right to be protected and assisted in all forms so as to get free from impacts of a natural disaster, a catastrophe, environmental pollution and armed conflicts.
Điều 32. Quyền được bảo đảm an sinh xã hội	Article 32. Right to be guaranteed with social welfare
Trẻ em là công dân Việt Nam được bảo đảm an sinh xã hội theo quy định của pháp luật phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội nơi trẻ em sinh sống và điều kiện của cha, mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em.	The child being a Vietnamese citizen shall be guaranteed in accordance with law with social welfare suitable to the socio-economic conditions of the locality where he/she lives and the conditions of his/her parents or caregivers.
Điều 33. Quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội	Article 33. Rights to access information and participate in social activities
Trẻ em có quyền được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời, phù hợp; có quyền tìm kiếm, thu nhận các thông tin dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật và được tham gia hoạt động xã hội phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em.	The child has the right to full, timely and suitable access to information; the right to seek and receive information in all forms as prescribed by law, and to participate in social activities suitable to his/her age, maturity, needs and capacity.
Điều 34. Quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp	Article 34. Right to express opinions and to association

LUẬT TRẺ EM

Trẻ em có quyền được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về các vấn đề liên quan đến trẻ em; được tự do hội họp theo quy định của pháp luật phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và sự phát triển của trẻ em; được cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân lắng nghe, tiếp thu, phản hồi ý kiến, nguyện vọng chính đáng.

Điều 35. Quyền của trẻ em khuyết tật

Trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền của trẻ em và quyền của người khuyết tật theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đặc biệt để **phục hồi chức năng**, phát triển khả năng tự lực và hòa nhập xã hội.

Điều 36. Quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn

Trẻ em không quốc tịch cư trú tại Việt Nam, trẻ em lánh nạn, tị nạn được bảo vệ và **hỗ trợ nhân đạo**, được tìm kiếm cha, mẹ, gia đình theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam **là thành viên**.

Mục 2. BỐN PHẬN CỦA TRẺ EM

Điều 37. Bốn phận của trẻ em đối với gia đình

- Kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với** ông bà, cha mẹ; yêu thương, quan tâm, chia sẻ tình cảm, nguyện vọng với cha mẹ và các thành viên trong gia đình, dòng họ.
- Học tập, rèn luyện, giữ gìn nề nếp gia đình, phụ giúp cha mẹ và các thành viên trong gia đình những công việc phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển của trẻ em.

Điều 38. Bốn phận của trẻ em đối với nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác

- Tôn trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác.
- Thương yêu, đoàn kết, chia sẻ khó khăn, tôn trọng, giúp đỡ bạn bè.
- Rèn luyện đạo đức, ý thức tự học, thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, cơ sở giáo dục khác.
- Giữ gìn, bảo vệ tài sản và chấp hành đầy đủ nội quy, quy định của nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác.

Điều 39. Bốn phận của trẻ em đối với cộng đồng, xã hội

- Tôn trọng, lễ phép với người lớn tuổi; quan tâm, giúp đỡ người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai, trẻ nhỏ, người gặp hoàn cảnh khó khăn phù hợp với khả năng, sức khỏe, độ tuổi của mình.
- Tôn trọng quyền, danh dự, nhân phẩm của người khác; chấp hành quy định về an toàn giao thông và **trật tự, an toàn xã hội**; bảo vệ, giữ gìn, sử dụng tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường **phù hợp với khả năng và độ tuổi của trẻ em**.
- Phát hiện, thông tin, thông báo, tố giác **hành vi vi phạm pháp luật**.

Điều 40. Bốn phận của trẻ em đối với quê hương, đất nước

- Yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tôn trọng truyền thống lịch sử dân tộc; giữ gìn bản sắc dân tộc, **phát huy** phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của quê hương, đất nước.
- Tuân thủ và chấp hành pháp luật; đoàn kết, hợp tác, giao lưu với bạn bè, trẻ em quốc tế phù hợp với độ tuổi và từng giai đoạn phát triển của trẻ em.

Điều 41. Bốn phận của trẻ em với bản thân

- Có trách nhiệm với bản thân; không hủy hoại thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân.

LAW ON CHILDREN

The child has the right to express his/her own opinions and aspirations on all matters affecting the child; to freedom of association as prescribed by law, suitable to his/her age, maturity and development; and to have his/her opinions and legitimate aspirations listened to, accepted and responded by agencies, organizations, educational institutions, families and individuals.

Article 35. Rights of a child with disabilities

A child with disabilities enjoys all children's rights and the rights of people with disabilities as prescribed by law; and is entitled to special support, care and education for **functional rehabilitation**, self-reliance development and social integration.

Article 36. Rights of a stateless child and a **refugee child**

A **stateless child** residing in Vietnam or a child **fleeing from danger** or taking refugee shall be accorded protection and **humanitarian assistance** and is entitled to trace his/her parents and family members in accordance with Vietnamese laws and treaties to which the Socialist Republic of Vietnam **is a contracting party**.

Section 2. DUTIES OF CHILDREN

Article 37. Duties toward the family

- To respect, be polite and dutiful to** his/her grandparents and parents; to love, show concern for, and share feelings and aspirations with his/her parents and other members of his/her family and other relatives.
- To learn, train himself/herself in and preserve the family customs and practices, to assist his/her parents and other family members in work suitable to his/her age, gender and development.

Article 38. Duties toward the school, social relief establishment or another educational institution

- To respect teachers, officers and employees of the school, social relief establishment or another educational institution.
- To show love for, unite and share difficulties with, respect and help friends.
- To train himself/herself in morality, sense of self-learning, perform learning and training tasks according to educational programs and plans of the school or another educational institution.
- To preserve and protect the property and observe all the internal rules and regulations of the school, social relief establishment or another educational institution.

Article 39. Duties toward the community and society

- To respect and be polite to the elder; to show concern for and help the aged people, people with disabilities, pregnant women, younger children, and disadvantaged people according to his/her capacity, health and age.
- To respect the rights, honor and dignity of other people; to observe regulations on traffic safety and **social order and safety**; to protect, preserve and use property and natural resources and to protect the environment **according to his/her capacity and age**.
- To detect, report on, and denounce **unlawful acts**.

Article 40. Duties toward the native place and country

- To love his/her native place, country and compatriots, to have a sense of national building and defense; to respect the national historical traditions; to preserve the national identity, to **bring into play** the fine customs, practices, traditions and culture of his/her native place and country.
- To observe and implement the law; to unite, cooperate and participate in exchanges with international friends and children suitable to his/her age and development stage.

Article 41. Duties toward himself/herself

- To be responsible to himself/herself; not to ruin his/her body, honor, dignity and property.

LUẬT TRẺ EM

2. Sống trung thực, khiêm tốn; giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể.

3. **Chăm chỉ** học tập, không tự ý bỏ học, không rời bỏ gia đình sống lang thang.

4. Không đánh bạc; không mua, bán, sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác.

5. Không sử dụng, trao đổi sản phẩm có **nội dung kích động bạo lực, đồi trụy**; không sử dụng đồ chơi hoặc chơi trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của bản thân.

Chương III

CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM

Điều 42. Bảo đảm về chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em

1. Nhà nước có chính sách **trợ cấp**, trợ giúp, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn để thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo độ tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia trợ giúp, chăm sóc trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ về đất đai, thuế, tín dụng cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Bảo đảm về chăm sóc sức khỏe trẻ em

1. Nhà nước có chính sách phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ để hỗ trợ, bảo đảm mọi trẻ em được chăm sóc sức khỏe, ưu tiên cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em đang sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đảo và các xã có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Nhà nước bảo đảm thực hiện các biện pháp theo dõi sức khỏe định kỳ cho phụ nữ mang thai và trẻ em theo độ tuổi; chăm sóc dinh dưỡng, **sức khỏe ban đầu** và tiêm chủng cho trẻ em; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; tư vấn và hỗ trợ trẻ em trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp với độ tuổi theo quy định của pháp luật.

3. **Ưu tiên** tư vấn, bảo vệ, chăm sóc về sức khỏe, dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, bà mẹ nuôi con dưới 36 tháng tuổi và trẻ em, đặc biệt là trẻ em dưới 36 tháng tuổi, trẻ em bị xâm hại phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

4. Nhà nước có chính sách, biện pháp tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, Điều trị **trước sinh và sơ sinh**; giảm **tỷ lệ tử vong** trẻ em, đặc biệt là tử vong **trẻ sơ sinh**; xóa bỏ phong tục, tập quán có hại, **ảnh hưởng đến** sức khỏe trẻ em.

5. Nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho trẻ em theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế phù hợp với độ tuổi, nhóm đối tượng và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

6. Nhà nước có chính sách, biện pháp để trẻ em được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh và **điều kiện vệ sinh** cơ bản, bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

7. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân ủng hộ, đầu tư nguồn lực để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, ưu tiên cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Điều 44. Bảo đảm về giáo dục cho trẻ em

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, bảo đảm mọi trẻ em được đi học, **giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học**; có chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em đang sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đảo và các xã có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận **giáo dục phổ cập, giáo dục hòa nhập**, được học nghề và giới thiệu việc làm phù hợp

LAW ON CHILDREN

2. To live honestly and modestly; to keep hygiene and practice physical exercise.

3. To learn **diligently**, not to drop out of school without permission, not to leave his/her family for a street life.

4. To refrain from gambling; to refrain from buying, selling and using alcohol, beer, cigarettes, habit-forming substances and other stimulants.

5. To refrain from using and exchanging products with **violent and debauched contents**; to refrain from using toys or playing games harmful to his/her healthy development.

Chapter VIII

CHILD CARE AND EDUCATION

Article 42. Assurance of care for and nurture of children

1. The State shall adopt **subsidy** and assistance policies and promulgate standards and criteria for the care and nurture of children according to their age groups and of disadvantaged children.

2. The State shall encourage agencies, organizations, families and individuals to provide assistance to and care for children and disadvantaged children; provide land, tax and credit supports for organizations and individuals that provide child care and nurture services in accordance with law.

Article 43. Assurance of healthcare for children

1. The State shall adopt policies suitable to socio-economic development conditions in each period in order to assist children, ensuring that all children have access to healthcare, giving priority to disadvantaged children, children of poor or near-poor households, ethnic minority children, and children living in border and mountainous communes, on islands and in communes with extremely difficult socio-economic conditions.

2. The State shall ensure the application of various measures for regular medical examination of pregnant women and children according to their age groups; to provide nutritious care, **primary healthcare** and vaccinations for children; to prevent and control children's accidents and injuries; to provide children with advice and assistance on reproductive healthcare and sexual health suitable to their age groups as prescribed by law.

3. **To prioritize** health and nutrition counseling, protection and care for pregnant women, mothers nursing children under 36 months old, and children, especially children under 36 months old and abused children, suitable to socio-economic development conditions in each period.

4. The State shall adopt policies and measures to provide **prenatal and neonatal** counseling, screening, diagnosis and treatment; to reduce the **mortality rate** among children, especially **newborns**; and to get rid of ill customs and practices **detrimental to** children's health.

5. The State shall pay, or support the payment of health insurance premiums for children as prescribed by the law on health insurance according to their age groups, categories and suitable to socio-economic development conditions in each period.

6. The State shall adopt policies and measures for children to have access to hygienic water and basic **sanitation conditions**, and food safety as prescribed by law.

7. The State shall encourage agencies, organizations, families and individuals to support and invest resources for child protection and healthcare, giving priority to disadvantaged children.

Article 44. Assurance of education for children

1. The State shall adopt supporting policies to ensure that all children can go to school, **minimizing the drop-out rates**; adopt policies to support disadvantaged children, children of poor or near-poor households, ethnic minority children, children living in border and mountainous communes, on islands or in communes with extremely difficult socio-economic conditions to have access to **general education, integration education**, vocational training and placement into jobs

LUẬT TRẺ EM	LAW ON CHILDREN
với độ tuổi và pháp luật về lao động. 2. Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục, bảo đảm công bằng về cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi trẻ em; giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật; có chính sách miễn, giảm học phí cho từng nhóm đối tượng trẻ em phù hợp với Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ. 3. Chương trình, nội dung giáo dục phải phù hợp với từng độ tuổi, từng nhóm đối tượng trẻ em, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện và yêu cầu hội nhập; chú trọng giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và phát triển nhân cách, kỹ năng sống, tài năng, năng khiếu của trẻ em; giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản cho trẻ em. 4. Nhà nước quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. 5. Nhà nước có chính sách phù hợp để phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi và chính sách hỗ trợ để trẻ em trong độ tuổi được giáo dục mầm non phù hợp với Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ; khuyến khích, thu hút các nguồn đầu tư khác để phát triển giáo dục, đào tạo.	suitable to their age groups and in accordance with the labor law. 2. The State shall prioritize investment in education and ensure equality in opportunities to access education for all children; integration education for children with disabilities; and adopt policies on school fee exemption and reduction for each group of children suitable to socio-economic development conditions in each period. 3. Education programs and contents must be suitable to each age group and each group of children, ensuring quality, meeting the requirements of all-sided development and integration requirements; must attach importance to education in historical traditions and national culture, development of the personality, life skills, talent and aptitude of children; and to gender and reproductive health education for children. 4. The State shall provide a safe, healthy and friendly education environment, prevent and control school violence. 5. The State shall adopt appropriate policies for universalization of preschool education among five-year children and supporting policies for children of eligible age to have preschool education, suitable to socio-economic development conditions in each period; and encourage and attract other investment sources for education and training development.
Điều 45. Bảo đảm Điều kiện vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch cho trẻ em 1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn hóa nghệ thuật; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở cho trẻ em; có chính sách ưu tiên trẻ em khi sử dụng dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch và tham quan di tích, thắng cảnh. 2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao cho trẻ em; bảo đảm điều kiện, thời gian, thời điểm thích hợp để trẻ em được tham gia hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. 3. Nhà nước tạo điều kiện để trẻ em giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc, văn hóa tốt đẹp và được sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình. 4. Nhà nước khuyến khích tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia ủng hộ, đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ trẻ em vui chơi, giải trí; khuyến khích sáng tạo, sản xuất đồ chơi, trò chơi cho trẻ em bảo đảm an toàn, lành mạnh, mang bản sắc văn hóa dân tộc.	Article 45. Assurance of conditions for children's play, recreational, cultural, artistic, sports and tourist activities 1. The State shall adopt policies to support activities of creating cultural and art works; develop the system of grassroots cultural and sports institutions for children; adopt policies of prioritizing children when they use play, recreation, sports and tourist services and visit relics and scenic places. 2. The People's Committees at all levels shall formulate master plans and plans on land use and allocation and investment for the construction of centers for children's play, recreational, cultural, artistic and sports activities; ensure conditions, time and appropriate hours for children to participate in activities at grassroots cultural and sports institutions. 3. The State shall create conditions for children to preserve and bring into play the fine national traits and culture and to use the languages of their own ethnicities. 4. The State shall encourage organizations, families and individuals to support and invest in the construction of facilities for children's play and recreation activities; encourage the creation and production of children's toys and games that are safe and healthy and bear the national cultural traits.
Điều 46. Bảo đảm thông tin, truyền thông cho trẻ em 1. Nhà nước bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng, tìm hiểu, học tập, trao đổi kiến thức qua các kênh thông tin, truyền thông phù hợp. 2. Các cơ quan thông tin, xuất bản phải dành tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng phát thanh, truyền hình, ấn phẩm phù hợp cho trẻ em. Thông tin, đồ chơi, trò chơi, chương trình phát thanh, truyền hình, nghệ thuật, điện ảnh có nội dung không phù hợp với trẻ em phải thông báo hoặc ghi rõ độ tuổi trẻ em không được sử dụng. 3. Nhà nước khuyến khích phát triển thông tin, truyền thông phù hợp với sự phát triển toàn diện của trẻ em; sản xuất, đăng tải nội dung, thông tin với thời lượng thích hợp cho trẻ em dân tộc thiểu số.	Article 46. Assurance of information and communications for children 1. The State shall ensure that children can have access to information, express their opinions and aspirations, and seek, learn and exchange knowledge via appropriate information and communication channels. 2. Information and publishing agencies shall reserve appropriate proportions of radio and television contents, broadcasting time and amounts of time and publications for children. For information, toys, games, radio and television programs, art programs and movies with contents unsuitable to children, the age of children who may not view or use them shall be announced or displayed. 3. The State shall encourage the development of information and communications suitable to the all-sided development of children; and the production and publication of contents and information with amounts of time suitable to ethnic minority children.
Chương IV BẢO VỆ TRẺ EM Mục 1. CẤP ĐỘ BẢO VỆ TRẺ EM VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN Điều 47. Các yêu cầu bảo vệ trẻ em 1. Bảo vệ trẻ em được thực hiện theo ba cấp độ sau đây:	Chapter IV CHILD PROTECTION Section 1. CHILD PROTECTION LEVELS AND IMPLEMENTATION RESPONSIBILITY Article 47. Child protection requirements 1. Child protection shall be effected at three levels below:

LUẬT TRẺ EM

LAW ON CHILDREN

a) Phòng ngừa;	a/ Prevention;
b) Hỗ trợ;	b/ Assistance;
c) Can thiệp.	c/ Intervention.
2. Bảo vệ trẻ em phải bảo đảm tính hệ thống, tính liên tục , có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.	2. Child protection must be systematic and continuous . All levels and sectors shall be closely and effectively coordinate with one another in the formulation and implementation of policies and laws on child protection and the provision of child protection services.
3. Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ trẻ em. Việc bảo vệ trẻ em phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy trình, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.	3. Agencies, organizations, educational institutions, families and individuals shall protect children. Child protection must comply with provisions of law, processes and standards promulgated by competent state agencies.
4. Trẻ em được ưu tiên bảo vệ tại gia đình, gia đình nhận chăm sóc thay thế. Việc đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội là biện pháp tạm thời khi các hình thức chăm sóc tại gia đình, gia đình nhận chăm sóc thay thế không thực hiện được hoặc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.	4. Protection of a child at his/her family or alternative care family shall be prioritized. Sending a child to a social relief establishment is only a temporary measure when his/her care at his/her family or alternative care family cannot be implemented or it is for his/her best interests.
5. Cha mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em phải được cung cấp thông tin, được tham gia ý kiến với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong việc ra quyết định can thiệp, hỗ trợ để bảo vệ trẻ em.	5. Parents, caregivers and children shall be provided with information and entitled to contribute their opinions to competent agencies and persons in deciding on intervention or assistance to protect children.
6. Coi trọng phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em; kịp thời can thiệp, giải quyết để giảm thiểu hậu quả; tích cực hỗ trợ để phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	6. Importance shall be attached to the preclusion and prevention of risks of injury to children; timely intervention and settlement shall be carried out in order to minimize consequences; and active assistance shall be rendered for rehabilitation and community re-integration for disadvantaged children.

Điều 48. Cấp độ phòng ngừa

- Cấp độ phòng ngừa gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với cộng đồng, gia đình và mọi trẻ em nhằm nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về bảo vệ trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em, giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại hoặc rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.
- Các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ phòng ngừa bao gồm:
 - Tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng, gia đình, trẻ em về mối nguy hiểm và hậu quả của các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em; về trách nhiệm phát hiện, thông báo trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi;
 - Cung cấp thông tin, trang bị kiến thức cho cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người làm việc trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em về trách nhiệm bảo vệ trẻ em, kỹ năng phòng ngừa, phát hiện các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em;
 - Trang bị **kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ** để bảo đảm trẻ em được an toàn;
 - Giáo dục, tư vấn kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em;
- Xây dựng môi trường sống an toàn và phù hợp với trẻ em.

Điều 49. Cấp độ hỗ trợ

- Cấp độ hỗ trợ bao gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhằm kịp thời phát hiện, giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em.
- Các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ hỗ trợ bao gồm:
 - Cảnh báo về nguy cơ trẻ em bị xâm hại; tư vấn kiến thức, kỹ năng, biện pháp can thiệp nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ xâm hại trẻ em cho cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người làm việc trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em và trẻ em nhằm tạo lập lại môi trường sống an toàn cho trẻ em có nguy cơ bị xâm hại;
 - Tiếp nhận thông tin, đánh giá mức độ nguy hại, áp dụng các biện pháp cần thiết để hỗ trợ trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi nhằm loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bạo

Article 48. Prevention level

- The prevention level consists of protective measures applicable to communities, families and all children, which aim to raise the awareness and provide knowledge about child protection, to build a safe and healthy living environment for children, minimizing the risk of abuse or falling into a disadvantaged circumstance.
- Child protection measures at the prevention level include:
 - Disseminating to communities, families and children knowledge about the dangers and consequences of factors and acts of harming or abusing children; the responsibility to detect and notify cases of children being abused or at risk of violence, exploitation or abandonment;
 - Providing information and furnishing knowledge for parents, teachers, caregivers and persons working in child protection service establishments on the responsibility to protect children and skills to prevent and detect factors and acts of harming or abusing children;
 - Furnishing **parental knowledge and skills** to ensure children's safety;
 - Educating in and giving advice on self-protection knowledge and skills for children;
- Building a safe and suitable living environment for children.

Article 49. Assistance level

- The assistance level consisting of protective measures applicable to children at risk of violence, exploitation, abandonment or to disadvantaged children in order to promptly detect, minimize or get rid of the risks of harm to children.
- Child protection measures at the assistance level include:
 - Warning the risks of child abuse; counseling on knowledge, skills and intervention measures to eliminate or minimize the risks of child abuse for parents, teachers, caregivers, persons working in child protection service establishments and children with a view to creating a safe living environment for children at risk of abuse;
 - Receiving information, assessing the level of danger, applying necessary measures to assist children at risk of violence, exploitation or abandonment so as to eliminate or minimize the risks of violence,

LUẬT TRẺ EM	LAW ON CHILDREN
lực, bóc lột, bỏ rơi;	exploitation or abandonment for children;
c) Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật này;	c/ Assisting disadvantaged children in accordance with this Law;
d) Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và gia đình của trẻ em được tiếp cận chính sách trợ giúp xã hội và các nguồn trợ giúp khác nhằm cải thiện điều kiện sống cho trẻ em.	d/ Assisting disadvantaged children and their families in having access to social relief policies and other supporting sources in order to improve the children's living conditions.
Điều 50. Cấp độ can thiệp	Article 50. Intervention level
1. Cấp độ can thiệp bao gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với trẻ em và gia đình trẻ em bị xâm hại nhằm ngăn chặn hành vi xâm hại; hỗ trợ chăm sóc phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	1. The intervention level consists of protective measures applicable to abused children and their families, aiming to stop acts of abuse; and to support rehabilitation and community reintegration for disadvantaged children.
2. Các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ can thiệp bao gồm:	2. Child protection measures at the intervention level include:
a) Chăm sóc y tế, trị liệu tâm lý, phục hồi thể chất và tinh thần cho trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần can thiệp;	a/ Medical care, psychological therapy and physical and mental rehabilitation for abused children or disadvantaged children who need intervention;
b) Bố trí nơi tạm trú an toàn, cách ly trẻ em khỏi môi trường, đối tượng đe dọa hoặc đang có hành vi bạo lực, bóc lột trẻ em;	b/ Arranging safe accommodations, separating children from the environment and those who threaten to commit or are committing acts of violence against or exploitation of children;
c) Bố trí chăm sóc thay thế tạm thời hoặc lâu dài cho trẻ em thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 62 của Luật này;	c/ Arranging provisional or long-term alternative care for children prescribed in Clause 2, Article 62 of this Law;
d) Đoàn tụ gia đình, hòa nhập trường học, cộng đồng cho trẻ em bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi;	d/ Organizing family reunion and school and community integration for children suffering violence, exploited or abandoned children;
đ) Tư vấn, cung cấp kiến thức cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, các thành viên gia đình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt về trách nhiệm và kỹ năng bảo vệ, chăm sóc, giáo dục hòa nhập cho trẻ em thuộc nhóm đối tượng này;	đ/ Providing parents, caregivers and family members of disadvantaged children with advice and knowledge about the responsibility for and skills of protection, care and integration education for children of this group;
e) Tư vấn, cung cấp kiến thức pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;	e/ Providing advice, legal knowledge and legal aid for parents and caregivers of disadvantaged children and for these children;
g) Các biện pháp hỗ trợ trẻ em bị xâm hại và gia đình của trẻ em quy định tại Khoản 1 Điều 43, Khoản 1 Điều 44 và Điểm d Khoản 2 Điều 49 của Luật này;	g/ The measures to assist abused children and their families prescribed in Clause 1, Article 43; Clause 1, Article 44, and at Point d, Clause 2, Article 49, of this Law;
h) Theo dõi, đánh giá sự an toàn của trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại.	h/ Monitoring and assessing the safety of abused children or children at risk of abuse.
Điều 51. Trách nhiệm cung cấp, xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em	Article 51. Responsibility to supply and process information and reports on denunciations of acts of child abuse
1. Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân có trách nhiệm thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em, trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi đến cơ quan có thẩm quyền.	1. Agencies, organizations, educational institutions, families and individuals shall inform, report or denounce acts of child abuse and cases of children being abused or at risk of violence, exploitation or abandonment to competent agencies.
2. Cơ quan lao động - thương binh và xã hội, cơ quan công an các cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác; phối hợp xác minh, đánh giá, Điều tra về hành vi xâm hại, tình trạng mất an toàn hoặc gây tổn hại, mức độ nguy cơ gây tổn hại đối với trẻ em.	2. The Labor, War Invalids and Social Affairs and Public Security agencies at all levels and commune-level People's Committees shall receive and process information, reports and denunciations; and coordinate in the verification, assessment and investigation of acts of abuse and the state of unsafety or harm and the level of risk of harm to children.
3. Chính phủ thiết lập tổng đài điện thoại quốc gia thường trực để tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em; quy định quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em.	3. The Government shall establish a standing national telephone exchange to receive and process information, reports and denunciations on risks and acts of child abuse; and establish the process of receiving and processing information, reports and denunciations on acts of child abuse.
Điều 52. Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp	Article 52. Assistance or intervention plans
1. Kế hoạch hỗ trợ, can thiệp được xây dựng để tổ chức thực hiện một hoặc nhiều biện pháp ở cấp độ hỗ trợ, cấp độ can thiệp quy định tại Điều 49 và Điều 50 của Luật này áp dụng với từng trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	1. An assistance or intervention plan shall be made for the application of one or many measures at the assistance or intervention level prescribed in Articles 49 and 50 of this Law to every child being abused or at risk of violence, exploitation or abandonment or in a disadvantaged circumstance.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ trẻ em để tổ chức xây dựng, phê duyệt, triển khai kế hoạch hỗ trợ, can thiệp; bố trí nguồn lực, phân công cá nhân, tổ chức thực hiện, phối hợp thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.	2. Commune-level People's Committees in localities where children reside shall assume the prime responsibility for, and coordinate with agencies, organizations and individuals in charge of child protection in, making, approving and implementing assistance or intervention plans; arrange resources, and assign individuals and organizations to

LUẬT TRẺ EM

LAW ON CHILDREN

implement, coordinate in the implementation of, and inspect the implementation of, the plans.

3. Đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em; trẻ em bị xâm hại nhưng cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em từ chối thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan lao động - thương binh và xã hội **cấp huyện** đề nghị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định hạn chế quyền của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế.

3. For children who are abused or at risk of violence, exploitation or abandonment by their parents or caregivers and children who are abused but their parents or caregivers decline to implement assistance or intervention plans, commune-level People's Committee chairpersons or **district-level** Labor, War Invalids and Social Affairs agencies shall propose a competent court to issue a decision to restrict the rights of the parents or caregivers or temporarily separate the children from their parents or caregivers and apply the alternative care measure.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

4. The Government shall detail this Article.

Điều 53. Trách nhiệm của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã

Article 53. Responsibilities of a commune-level child protection officer

1. Đánh giá nguy cơ và xác định các nhu cầu của trẻ em cần được bảo vệ.

1. To assess risks and identify the needs of children to be protected.

2. Tham gia quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi.

2. To participate in the process of making and implementing assistance or intervention plans for disadvantaged children, abused children or children at risk of violence, exploitation or abandonment.

3. Tư vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ em, trợ giúp xã hội, y tế, giáo dục, pháp lý và các nguồn trợ giúp khác.

3. To provide counseling, information and guidance for children and their parents, or caregivers to access child protection, social, medical, educational and legal assistance services and other sources of assistance.

4. Tư vấn kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em cho trẻ em, cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình, cộng đồng.

4. To provide child protection knowledge and skills for children and their parents, caregivers, family members and communities.

5. Kiến nghị biện pháp chăm sóc thay thế và theo dõi quá trình thực hiện.

5. To propose the alternative care measure and monitor the implementation thereof.

6. Hỗ trợ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại, người làm chứng trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng theo quy định tại Điều 72 của Luật này.

6. To support juvenile delinquents, juvenile victims and juvenile witnesses in the course of legal proceedings, handling of administrative violations, rehabilitation and community reintegration as prescribed in Article 72 of this Law.

Điều 54. Trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng

Article 54. Responsibility to protect children in the Internet environment

1. Cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng dưới mọi hình thức; cha, mẹ, giáo viên và người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm giáo dục kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để trẻ em biết tự bảo vệ mình khi tham gia môi trường mạng.

1. Related agencies and organizations shall persuade, educate and protect children when they participate in the Internet environment in all forms; parents, teachers and caregivers shall provide knowledge and skills for children to protect themselves when participating in the Internet environment.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

2. Agencies, organizations and individuals that manage and provide information and communications products and services and organize activities in the Internet environment shall apply measures to ensure safety and privacy for children as prescribed by law.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

3. The Government shall detail this Article.

Mục 2. CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO VỆ TRẺ EM

Section 2. CHILD PROTECTION SERVICE ESTABLISHMENTS

Điều 55. Các loại hình cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

Article 55. Types of child protection service establishments

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em là cơ sở do cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập theo quy định của pháp luật; có chức năng, nhiệm vụ thực hiện hoặc phối hợp, hỗ trợ thực hiện một hoặc một số biện pháp bảo vệ trẻ em theo cấp độ phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp được quy định tại các Điều 48, 49 và 50 của Luật này.

1. A child protection service establishment is an establishment set up by an agency, organization or individual in accordance with law, having the functions and tasks of implementing or coordinating in or supporting, the implementation of, one or several child protection measures according to the prevention, assistance and intervention levels as prescribed in Articles 48, 49 and 50 of this Law.

2. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em được tổ chức theo loại hình cơ sở công lập và cơ sở ngoài công lập.

2. A child protection service establishment shall be organized as a public establishment or a non-public establishment.

3. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em bao gồm:

3. Child protection service establishments include:

a) Cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;

a/ Establishments that provide child protection services as their sole function and task;

b) Cơ sở có một phần chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

b/ Establishments that provide child protection services as part of their functions and tasks.

LUẬT TRẺ EM

Điều 56. Điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em được thành lập, đăng ký hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có tôn chỉ, mục đích hoạt động vì lợi ích tốt nhất của trẻ em;
2. Có nội dung hoạt động nhằm thực hiện một hoặc nhiều biện pháp bảo vệ trẻ em quy định tại các Điều 48, 49 và 50 của Luật này;
3. Có người đại diện là công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức, am hiểu về trẻ em và bảo vệ trẻ em, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính về các hành vi xâm hại trẻ em;
4. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn tài chính, nguồn nhân lực đáp ứng được Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 57. Thẩm quyền thành lập, cấp đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

1. Bộ, **cơ quan ngang bộ**, cơ quan thuộc Chính phủ trong **phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn** của mình thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em công lập thuộc thẩm quyền quản lý và cấp đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em khác có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh; chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; xây dựng quy trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em thuộc lĩnh vực quản lý và kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân **cấp tỉnh** thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em công lập và cấp đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em khác có phạm vi hoạt động trong địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch chung các loại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trên địa bàn bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tế.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em công lập và cấp đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em khác có phạm vi hoạt động trong địa bàn huyện.

Điều 58. Hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoạt động theo nội dung đã đăng ký và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Các yêu cầu quy định tại Điều 47 của Luật này;
- b) Tuân thủ quy trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
- c) Thực hiện việc tiếp nhận, cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em và chuyển giao trẻ em, kết quả cung cấp dịch vụ cho trẻ em giữa các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em vì sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em;
- d) Chịu sự hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- đ) **Giữ bí mật thông tin** liên quan đến trẻ em bị xâm hại, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

2. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em được tiếp nhận hỗ trợ tài chính, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và

LAW ON CHILDREN

Article 56. Conditions on setting up and operation registration of a child protection service establishment

A child protection service establishment may be set up and registered for operation when the following conditions are fully met:

1. Having its guiding principles and purposes of operation for the best interests of children;
2. Having the contents of operation aiming to implement one or several child protection measures defined in Articles 48, 49 and 50 of this Law;
3. Having its representative being a Vietnamese citizen who has full civil act capacity, good moral quality, knowledge about children and child protection, is neither examined for penal liability nor handled for administrative violations related to child abuse;
4. Having physical foundations, equipment and facilities, financial sources and staff that meet its operation objectives, requirements and scope according to regulations of competent state agencies.

Article 57. Competence to set up and register the operation of, a child protection service establishment

1. Ministries, **ministerial-level agencies** and government-attached agencies may, within the **ambit of their tasks and powers**, set up public child protection service establishments under their respective management and **grant** operation registration for other child protection service establishments that operate in many provinces; shall assume the prime responsibility for, and coordinate with the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs in, promulgating or submitting to competent agencies for promulgation, and guiding the implementation of, master plans and plans on development of child protection service establishments; develop processes and standards for the provision of child protection services in the fields under their respective management, and examine, inspect and handle violations in accordance with law.

2. **Provincial-level** People's Committees may set up public child protection service establishments and grant operation registration for other child protection service establishments to operate within their respective provinces; assume the prime responsibility for, and coordinate with related agencies in, making and directing the implementation of, general plans on different types of child protection service establishments in their respective localities in conformity with practical demands.

3. District-level People's Committees may set up public child protection service establishments and grant operation registration for other child protection service establishments operating within their respective districts.

Article 58. Operation of a child protection service establishment

1. A child protection service establishment shall operate in accordance with the registered contents and must meet the following requirements:

- a/ The requirements prescribed in Article 47 of this Law;
- b/ Complying with the child protection service provision process and standards promulgated by competent state agencies;
- c/ Conducting the receipt and handover of children, providing child protection services and transferring the results thereof among child protection service establishments for the sake of safety and best interests of children.
- d/ Submitting to the professional guidance, inspection and examination of competent state agencies;
- đ/ **Keeping confidential information** relating to abused children, except for cases where the provision of information is requested by competent agencies or persons.

2. A child protection service establishment may receive financial and material assistance from domestic and foreign agencies and individuals

LUẬT TRẺ EM	LAW ON CHILDREN
nước ngoài theo quy định của pháp luật để thực hiện các biện pháp bảo vệ trẻ em.	in accordance with law for the implementation of child protection measures.
Điều 59. Đình chỉ, chấm dứt hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Article 59. Suspension and termination of operation of a child protection service establishment
1. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em vi phạm một trong các nội dung sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị đình chỉ, chấm dứt hoạt động hoặc đình chỉ, chấm dứt một phần hoạt động: a) Không bảo đảm điều kiện theo quy định tại Điều 56 của Luật này hoặc quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực mà cơ sở hoạt động; b) Vi phạm nghiêm trọng quyền của trẻ em; c) Sử dụng kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất sai Mục đích.	1. A child protection service establishment that commits one of the following violations will have its operation wholly or partially suspended or terminated, depending on the nature and severity of its violation: a/ Failing to meet the conditions defined in Article 56 of this Law or prescribed by the law governing the field in which it operates; b/ Seriously violating children’s rights; c/ Using its operation funds or physical foundations for improper purposes.
2. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em sẽ bị chấm dứt hoạt động hoặc chấm dứt một phần hoạt động khi hết thời hạn đình chỉ mà không khắc phục được nguyên nhân và hậu quả dẫn đến việc bị đình chỉ.	2. A child protection service establishment will have its operation wholly or partially terminated if after the expiry of the suspension duration it still fails to address the cause and consequences of its violation resulting in its operation suspension.
3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cấp đăng ký hoạt động cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em có quyền đình chỉ, chấm dứt hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em đó.	3. A state agency competent to set up and grant operation registration for a child protection service establishment has competence to suspend or terminate the operation of such child protection service establishment.
Mục 3. CHĂM SÓC THAY THẾ	Section 3. ALTERNATIVE CARE
Điều 60. Các yêu cầu đối với việc thực hiện chăm sóc thay thế	Article 60. Requirements on the implementation of alternative care
1. Phải dựa trên nhu cầu, hoàn cảnh, giới tính, dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ của trẻ em và bảo đảm quyền của trẻ em.	1. To be based on the needs, circumstances, gender, ethnicity, religion and language of a child and ensure his/her rights.
2. Bảo đảm an toàn cho trẻ em, bảo đảm ổn định, liên tục và gắn kết giữa trẻ em với người chăm sóc trẻ em.	2. To ensure the safety for a child, ensure the stability, continuity and connection between a child and his/her caregivers.
3. Phải xem xét ý kiến, nguyện vọng, tình cảm, thái độ của trẻ em tùy theo độ tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ em; trường hợp trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên phải lấy ý kiến của trẻ em.	3. To take into account the opinions, aspirations, feelings and attitudes of a child according to his/her age and maturity; if a child has reached 7 years or older, his/her opinion shall be collected.
4. Ưu tiên trẻ em được chăm sóc thay thế bởi người thân thích. Trường hợp trẻ em có anh, chị, em ruột thì được ưu tiên sống cùng nhau.	4. To make priority that a child receives alternative care by his/her relative. If a child has a sibling, they shall be given priority to live together with.
5. Bảo đảm duy trì liên hệ, đoàn tụ giữa trẻ em với cha, mẹ, các thành viên khác trong gia đình khi đủ Điều kiện, trừ trường hợp việc liên hệ, đoàn tụ không bảo đảm an toàn, không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.	5. To maintain contacts and reunions between a child and his/her parents and other members of his/her family when conditions permit, except where such contacts and reunions fail to ensure safety or serve the best interests of the child.
Điều 61. Các hình thức chăm sóc thay thế	Article 61. Forms of alternative care
1. Chăm sóc thay thế bởi người thân thích.	1. Alternative care by a relative.
2. Chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải là người thân thích.	2. Alternative care by an individual or a family other than relatives.
3. Chăm sóc thay thế bằng hình thức nhận con nuôi.	3. Alternative care in the form of adoption.
Việc nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi.	The child adoption must comply with the law on adoption.
4. Chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội.	4. Alternative care at a social relief establishment.
Điều 62. Các trường hợp trẻ em cần chăm sóc thay thế	Article 62. Cases where a child needs alternative care
1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em không nơi nương tựa.	1. An orphan, an abandoned child, and a child who has no one to rely on.
2. Trẻ em không thể sống cùng cha, mẹ vì sự an toàn của trẻ em; cha, mẹ không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em hoặc chính là người xâm hại trẻ em.	2. A child who cannot live together with his/her parents for the sake of his/her safety; his/her parents are unable to protect and nurture their child or themselves abuse the child.
3. Trẻ em bị ảnh hưởng của thiên tai, thảm họa, xung đột vũ trang cần được ưu tiên bảo vệ.	3. A child who is affected by a natural disaster, a catastrophe or armed conflicts, who needs to be protected with priority.
4. Trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ.	4. A refugee child whose parents are unidentified.
Điều 63. Điều kiện chăm sóc thay thế	Article 63. Conditions on alternative care
1. Việc quyết định giao chăm sóc thay thế phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại Điều 60 của Luật này và đáp ứng các điều	1. The decision on assignment of a child for alternative care must satisfy the requirements defined in Article 60 of this Law and meet the

LUẬT TRẺ EM

kiện sau đây:

a) Được sự đồng ý bằng văn bản của người giám hộ đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 62 của Luật này;

b) Việc cho, nhận chăm sóc thay thế đối với trẻ em còn cả cha và mẹ hoặc chỉ còn cha hoặc mẹ nhưng không có khả năng bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em phải được sự đồng ý bằng văn bản của cha và mẹ, cha hoặc mẹ, trừ trường hợp trẻ em được áp dụng biện pháp can thiệp bảo vệ trẻ em theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều 50, Khoản 3 Điều 52 của Luật này hoặc khi cha, mẹ bị hạn chế quyền của cha, mẹ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Cá nhân, người đại diện gia đình là người cư trú tại Việt Nam; có sức khỏe và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có tư cách đạo đức tốt; không bị hạn chế một số **quyền của cha, mẹ** đối với **con chưa thành niên**; không bị truy cứu **trách nhiệm hình sự**, xử lý vi phạm hành chính về các hành vi xâm hại trẻ em; không **bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm** tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác, ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình, **dụ dỗ, ép buộc** hoặc **chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật**, mua, bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em;

b) Có chỗ ở và điều kiện kinh tế phù hợp, bảo đảm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em;

c) Tự nguyện nhận chăm sóc trẻ em; **có sự đồng thuận** giữa các thành viên trong gia đình về việc nhận chăm sóc trẻ em; các thành viên trong gia đình không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính về các hành vi xâm hại trẻ em;

d) Người thân thích nhận trẻ em chăm sóc thay thế phải là người thành niên; các trường hợp khác phải hơn trẻ em từ 20 tuổi trở lên.

3. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân hỗ trợ về tinh thần và vật chất để trợ giúp chăm sóc thay thế cho trẻ em.

Điều 64. Trách nhiệm và quyền của người nhận chăm sóc thay thế

1. Người nhận chăm sóc thay thế có trách nhiệm sau đây:

a) Bảo đảm điều kiện để trẻ em được sống an toàn, thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em phù hợp với điều kiện của người nhận chăm sóc thay thế;

b) Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú về tình hình sức khỏe thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của trẻ em sau 06 tháng kể từ ngày nhận chăm sóc thay thế và hằng năm; trường hợp có vấn đề đột xuất, phát sinh thì phải thông báo kịp thời.

2. Người nhận chăm sóc thay thế có quyền sau đây:

a) **Được ưu tiên** vay vốn, dạy nghề, hỗ trợ tìm việc làm để ổn định cuộc sống, chăm sóc sức khỏe khi gặp khó khăn;

b) Được hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo quy định của pháp luật và được nhận hỗ trợ của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân để thực hiện việc chăm sóc thay thế.

Điều 65. Đăng ký nhận chăm sóc thay thế

1. Cá nhân, gia đình có nguyện vọng và đủ Điều kiện nhận trẻ em về chăm sóc thay thế theo quy định tại Khoản 2 Điều 63 của Luật này đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách cá nhân, gia đình

LAW ON CHILDREN

following conditions:

a/ With the written consent of his/her guardian, for cases defined in Clause 1, Article 62 of this Law;

b/ The giving and receipt for alternative care of a child whose both parents or only parent are or is still alive but unable to protect and nurture him/her shall be consented in writing by his/her both parents or only parent, except where a child is eligible for the application of intervention measures as prescribed at Points b and c, Clause 2, Article 50, and in Clause 3, Article 52, of this Law, or when his/her parents have their rights restricted in accordance with the Law on Marriage and Family.

2. An individual or a family that takes alternative care must satisfy the following conditions:

a/ An individual or a family's representative resides in Vietnam; has a good health and full civil act capacity; good moral quality; is neither restricted in a number of **parental rights** for **minor children**, nor examined for **penal liability**, nor handled for administrative violations for acts of child abuse, nor **sentenced for a crime of intentionally infringing** upon the life, health, dignity or honor of another person, ill-treating his/her grandparents, parents, spouse, children, grandchildren or nurturers, **enticing or coercing** children to commit a violation of law or **harboring juvenile delinquents**, or buying, selling or fraudulently exchanging children;

b/ Having a place of residence and appropriate economic conditions to ensure the care for, nurture and education of a child;

c/ Voluntarily receiving a child for alternative care; **obtaining the consensus** among family members on the alternative care of a child; family members are neither examined for penal liability nor handled for administrative violations for acts of child abuse;

d/ A relative who receives a child for alternative care must be an adult; for other cases, the caregivers must be 20 years or more older than the child.

3. The State shall encourage agencies, organizations, families and individuals to provide spiritual and material assistance for alternative care for children.

Article 64. Responsibilities and rights of an alternative caregiver

1. An alternative caregiver has the following responsibilities:

a/ To ensure conditions for a child to live safely and to realize the rights and duties of the child in conformity with his/her conditions;

b/ To notify the commune-level People's Committees in his/her place of residence of the child's physical and spiritual strength and integration 6 months after taking the alternative care and annually; and promptly report all arising urgent matters.

2. An alternative caregiver has the following rights:

a/ **To be given priority** in borrowing capital, vocational training and job placement in order to stabilize his/her livelihood, to be given health care when having difficulty;

b/ To receiving financial support for child care and nurture in accordance with law and to receive assistance from agencies, organizations, families and individuals for performing the alternative care.

Article 65. Registration for alternative care

1. An individual or a family that wishes and is fully qualified to receive a child for alternative care under Clause 2, Article 63 of this Law shall make registration with the commune-level People's Committee in his/her/its place of residence.

2. The commune-level People's Committee shall make a list of fully

LUẬT TRẺ EM

đăng ký nhận chăm sóc thay thế có đủ điều kiện và gửi đến cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp huyện.

3. Cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý danh sách, điều phối việc lựa chọn cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế trên địa bàn khi có trường hợp trẻ em cần chăm sóc thay thế.

4. Người thân thích của trẻ em khi nhận chăm sóc thay thế không phải đăng ký theo quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng phải thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để ra quyết định giao chăm sóc thay thế.

5. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục đăng ký, lập danh sách, điều phối việc lựa chọn cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.

Điều 66. Thẩm quyền quyết định chăm sóc thay thế

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế trên cơ sở xem xét các điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 63 của Luật này.

Trường hợp trẻ em được nhận chăm sóc thay thế không có người giám hộ đương nhiên theo quy định của pháp luật và người nhận chăm sóc thay thế đồng ý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử người nhận chăm sóc thay thế đồng thời là **người giám hộ** cho trẻ em.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao trẻ em cho cơ sở trợ giúp xã hội thuộc cấp huyện quản lý thực hiện chăm sóc thay thế.

3. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định giao trẻ em cho cơ sở trợ giúp xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện chăm sóc thay thế.

4. Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định việc chăm sóc thay thế đối với trường hợp trẻ em được quy định tại Khoản 2 Điều 62 của Luật này theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ trẻ em được pháp luật quy định.

Điều 67. Đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú hoặc nơi xảy ra hành vi xâm hại trẻ em lập hồ sơ đề nghị đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội trong trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian làm thủ tục để trẻ em được cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế;

b) Không lựa chọn được cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế;

c) Áp dụng biện pháp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 50 của Luật này.

2. Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm thường xuyên xem xét các trường hợp trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở đề nghị chuyển hình thức chăm sóc thay thế.

3. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển hình thức chăm sóc thay thế.

Điều 68. Theo dõi, đánh giá trẻ em được nhận chăm sóc thay thế

1. Cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức tư vấn, hướng dẫn triển khai chính sách, biện pháp hỗ trợ người nhận chăm sóc thay thế và trẻ em được chăm sóc thay thế;

b) Rà soát danh sách trẻ em tại các cơ sở trợ giúp xã hội định kỳ 06 tháng; tiếp nhận kiến nghị của cơ sở trợ giúp xã hội để xem xét, quyết định hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm

LAW ON CHILDREN

qualified individuals and families registering for alternative care and send it to the district-level Labor, War Invalids and Social Affairs agency.

3. The district-level Labor, War Invalids and Social Affairs agency shall coordinate with the commune-level People's Committees in managing the lists and coordinating the selection of alternative caregivers in its locality when there are children in need of alternative care.

4. A child's relative, when taking alternative care, does not have to register as prescribed in Clause 1 of this Article but shall notify such alternative care to the commune-level People's Committee of his/her place of residence for issuing a decision to assign the alternative care.

5. The Government shall detail the registration order and procedures, the listing, and the coordination of the selection of alternative caregivers.

Article 66. Competence to decide on alternative care

1. The commune-level People's Committee chairperson shall decide on assignment of a child to an alternative caregivers on the basis of examination of the conditions prescribed in Clauses 1 and 2, Article 63 of this Law.

In case a child received for alternative care does not have a natural guardian in accordance with law and the alternative caregivers agrees, the commune-level People's Committee chairperson shall decide to appoint the alternative caregivers to simultaneously act as the **guardian** for the child.

2. The district-level People's Committee chairperson shall decide on the assignment of a child to a social relief establishment under the district's management for alternative care.

3. The director of a provincial-level Department of Labor, War Invalids and Social Affairs shall decide on the assignment of a child to a social relief establishment under the province's management for alternative care.

4. The district-level People's Court shall decide on alternative care for a child defined in Clause 2, Article 62 of this Law at the proposal of an agency, organization or individual in charge of child protection as prescribed by law.

Article 67. Sending a child to a social relief establishment

1. The chairperson of a district-level People's Committee of the place where a child resides or where a child is abused shall compile a dossier of proposal for the sending of a child to a social relief establishment in the following cases:

a/ During the course of carrying out alternative care procedures for a child;

b/ It is unable to select an individual or a family qualified for alternative care;

c/ The measure prescribed at Point b, Clause 2, Article 50 of this Law is applied.

2. A social relief establishment shall regularly consider cases of children being under alternative care at the establishment in order to propose the change of the form of alternative care.

3. The Government shall detail the order and procedures for receipt and change of the form of alternative care.

Article 68. Monitoring and evaluation of children under alternative care

1. The provincial- and district-level Labor, War Invalid and Social Affairs agencies have the following responsibilities:

a/ To provide counseling and guidance on the implementation of policies and measures in support of alternative caregivers and children under alternative care;

b/ To biannually scrutinize lists of children at social relief establishments; to receive proposals from social relief establishments for consideration and decision or proposal to competent agencies or

LUẬT TRẺ EM

quyền chuyển trẻ em sang hình thức chăm sóc thay thế phù hợp;

c) Thanh tra, kiểm tra việc chăm sóc thay thế tại gia đình và cơ sở trợ giúp xã hội; xử lý theo thẩm quyền trường hợp xâm hại trẻ em hoặc vi phạm tiêu chuẩn chăm sóc trẻ em.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ 06 tháng đánh giá mức độ phù hợp của từng trường hợp trẻ em được chăm sóc thay thế tại gia đình thuộc địa bàn quản lý, báo cáo cơ quan lao động – thương binh và xã hội cấp huyện để có biện pháp hỗ trợ, can thiệp phù hợp.

Điều 69. Chấm dứt việc chăm sóc thay thế

1. Việc chăm sóc thay thế chấm dứt trong trường hợp sau đây:

a) Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế không còn đủ điều kiện chăm sóc trẻ em theo quy định tại Khoản 2 Điều 63 của Luật này;

b) Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này gây tổn hại cho trẻ em được nhận chăm sóc thay thế;

c) Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế đề nghị chấm dứt việc chăm sóc trẻ em;

d) Trẻ em đang được chăm sóc thay thế có hành vi cố ý xâm phạm nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của cá nhân, thành viên gia đình nhận chăm sóc thay thế;

đ) Trẻ em trở về đoàn tụ gia đình khi gia đình bảo đảm an toàn, có đủ Điều kiện thực hiện quyền của trẻ em.

2. Trường hợp cá nhân hoặc thành viên trong gia đình nhận chăm sóc thay thế xâm hại trẻ em thì phải chuyển ngay trẻ em ra khỏi cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế và áp dụng các biện pháp bảo vệ trẻ em theo quy định tại Điều 50 của Luật này.

3. Trường hợp trẻ em muốn chấm dứt việc chăm sóc thay thế, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền và người nhận chăm sóc thay thế có trách nhiệm xem xét để quyết định chấm dứt chăm sóc thay thế vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

4. Người ra quyết định chăm sóc thay thế có thẩm quyền quyết định chấm dứt việc chăm sóc thay thế.

Mục 4. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ TRẺ EM TRONG QUÁ TRÌNH TỔ TỤNG, XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, PHỤC HỒI VÀ TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG

Điều 70. Các yêu cầu bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng

1. Bảo đảm trẻ em được đối xử công bằng, bình đẳng, tôn trọng, phù hợp với độ tuổi và mức độ trưởng thành của trẻ em.

2. Ưu tiên giải quyết nhanh chóng các vụ việc liên quan đến trẻ em để giảm thiểu tổn hại đến thể chất và tinh thần của trẻ em.

3. Bảo đảm sự hỗ trợ của cha mẹ, người giám hộ, người đại diện hợp pháp khác đối với trẻ em trong suốt quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em.

4. Người tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, luật sư, trợ giúp viên pháp lý phải có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với trẻ em; sử dụng ngôn ngữ thân thiện, dễ hiểu với trẻ em.

5. Bảo đảm quyền được bào chữa, trợ giúp pháp lý cho trẻ em.

6. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật và **tái phạm** của trẻ em thông qua việc kịp thời hỗ trợ, can

LAW ON CHILDREN

organizations to change forms of alternative care for children as appropriate;

c/ To inspect and examine the alternative care at families and social relief establishments; to handle according to their competence cases of child abuse or violation of child care standards.

2. Commune-level People's Committees shall biannually evaluate the conformity of every case of family-based alternative care in the areas under their respective management and report it to district-level Labor, War Invalids and Social Affairs agencies for application of appropriate assistance and intervention measures.

Article 69. Termination of alternative care

1. Alternative care shall be terminated in the following cases:

a/ The individual or family performing the alternative care is no longer qualified for caring a child as prescribed in Clause 2, Article 63 of this Law;

b/ The individual or family performing the alternative care violates the provisions of Article 6 of this Law, thus causing harms to the child under alternative care;

c/ The individual or family performing the alternative care proposes the termination of the alternative care;

d/ The child being under alternative care commits an intentional act of seriously infringing upon the life, health, dignity and honor of the alternative care-taking individual or a member of the family performing the alternative care.

đ/ The child reunites with his/her family and his/her family can ensure safety for the child and have adequate conditions for the exercise of children's rights.

2. In case an individual or a member of a family performing the alternative care abuses a child, such child shall be immediately moved from such individual or family and child protection measures shall be applied as prescribed in Article 50 of this Law.

3. In case a child wishes to terminate the alternative care, competent agencies and persons and the alternative care giver shall consider his/her wish in order to decide on the termination of the alternative care for the best interests of the child.

4. The person who decides on the alternative care is competent to terminate the alternative care.

Section 4. MEASURES FOR PROTECTION OF CHILDREN IN THE COURSE OF LEGAL PROCEEDINGS, HANDLING OF ADMINISTRATIVE VIOLATIONS, REHABILITATION AND COMMUNITY RE-INTEGRATION

Article 70. Requirements on protection of children in the course of legal proceedings, handling of administrative violations, rehabilitation and community re-integration

1. To ensure that a child is fairly and equally treated and respected according to his/her age and maturity.

2. To prioritize the quick settlement of a case or matter involving a child in order to minimize physical and mental harms to the child,

3. To ensure the assistance of the parents, the guardian or other lawful representatives for a child throughout the course of legal proceedings or handling of administrative violations in order to protect the lawful rights and interests of the child.

4. Persons conducting legal proceedings or persons competent to handle administrative violations, lawyers and legal aid officers must have necessary knowledge about psychology and educational sciences concerning children; and shall use friendly and easy-to-understand languages with children.

5. To ensure the right to defense and legal aid for children.

6. To proactively prevent and stop children's law offenses and **recidivism** through timely assistance and intervention to settle the

LUẬT TRẺ EM

thiệp để giải quyết các nguyên nhân, điều kiện **vi phạm pháp luật**, giúp trẻ em phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng.

7. Bảo đảm kịp thời cung cấp các biện pháp phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp an toàn, liên tục, đầy đủ, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu, hoàn cảnh, độ tuổi, đặc điểm tâm lý, sinh lý của từng trẻ em trên cơ sở xem xét và tôn trọng ý kiến, nguyện vọng, tình cảm và thái độ của trẻ em.

8. Bảo đảm sự liên kết chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan, tổ chức, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, gia đình, cơ sở giáo dục với các cơ quan tiến hành tố tụng, xử lý vi phạm hành chính.

9. Ưu tiên áp dụng các biện pháp phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với trẻ em vi phạm pháp luật; **biện pháp cưỡng chế và hạn chế tự do** chỉ được áp dụng sau khi các biện pháp ngăn chặn, giáo dục khác không phù hợp.

10. Bảo đảm bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm hạn chế trẻ em phải xuất hiện trước công chúng trong quá trình tố tụng.

Điều 71. Các biện pháp bảo vệ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại, trẻ em là người làm chứng

1. Trẻ em vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính; biện pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn khi được miễn trách nhiệm hình sự; hình phạt cải tạo không giam giữ; án treo theo quy định của **Bộ luật hình sự**; trẻ em đã chấp hành xong biện pháp đưa vào **trường giáo dưỡng** hoặc tù **có thời hạn** được áp dụng các biện pháp bảo vệ sau đây nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện vi phạm pháp luật, **phục hồi, tránh tái phạm**:

a) Các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ hỗ trợ quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 49 của Luật này;

b) Các biện pháp bảo vệ cấp độ can thiệp quy định tại Điểm a và Điểm e Khoản 2 Điều 50 của Luật này;

c) Tìm kiếm đoàn tụ gia đình nếu thuộc trường hợp không có nơi cư trú ổn định;

d) Áp dụng biện pháp chăm sóc thay thế theo quy định của Luật này trong trường hợp trẻ em không còn hoặc không xác định được cha mẹ; không thể sống cùng cha, mẹ; không xác định được nơi cư trú trong thời gian thực hiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Hỗ trợ gia đình giám sát, quản lý, giáo dục trẻ em;

e) Các biện pháp bảo vệ khác quy định tại các điều 48, 49 và 50 của Luật này khi xét thấy thích hợp.

2. Trẻ em là người bị hại và trẻ em là người làm chứng mà bị tổn hại về thể chất, tinh thần được áp dụng các biện pháp bảo vệ cấp độ hỗ trợ quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 49 và các biện pháp bảo vệ cấp độ can thiệp quy định tại Điều 50 của Luật này.

3. Trẻ em là người làm chứng được bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và bí mật đời sống riêng tư; hạn chế tối đa việc dẫn giải, gây áp lực về tâm lý.

Điều 72. Trách nhiệm của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em

LAW ON CHILDREN

causes and conditions for **law offenses**; to assist children in rehabilitation and community reintegration.

7. To ensure timely supply of prevention, assistance and intervention measures, which are safe, continuous, adequate, flexible and suitable to the needs, circumstances, age, psychological and physiological characteristics of children, on the basis of taking into account and respecting the opinions, aspirations, emotions and attitudes of children.

8. To ensure the close and timely connections between agencies, organizations, child protection service establishments, families and educational institutions and procedural agencies or administrative violation-handling agencies.

9. To prioritize the application of prevention, assistance and intervention measures or the measure of education at a commune, ward or township, and measures that replace the administrative handling against juvenile delinquents. **Coercive and liberty-restricting measures** may be applied only after other preventive and educative measures prove unsuitable.

10. To keep secret the privacy of children; to apply necessary measures in order to limit children's public appearance in the course of legal proceedings.

Article 71. Measures to protect juvenile delinquents, juvenile victims and juvenile witnesses

1. A juvenile delinquent who has been subjected to education at a commune, ward or township or an administrative handling-replacing measure as prescribed by the Law on Handling of Administrative Violations; to reprimand or conciliation at community, or education at a commune, ward or township after enjoying exemption from penal liability; to non-custody reform; or to a suspended sentence under the **Penal Code**; a child who has completely executed the measure of sending to a **reformatory** or has **served a term imprisonment**, shall be applied the following protective measures for addressing the causes and conditions of law offense, and for **rehabilitation and prevention of recidivism**:

a/ The child protection measures at the assistance level prescribed at Points c and d, Clause 2, Article 49 of this Law;

b/ Protective measures at the intervention level prescribed at Points a and e, Clause 2, Article 50 of this Law;

c/ Seeking for family reunion, for a child who has no stable place of residence;

d/ The measure of alternative care prescribed by this Law in case a child has lost his/her parents or his/her parents cannot be identified; is unable to live together with his/her parents; it is impossible to identify his/her place of residence for execution of a decision of a competent state on his/her education at a commune, ward or township or on the application of a measure that replaces the administrative handling;

đ/ Assisting his/her family in supervising, managing and educating the child;

e/ Other protective measures prescribed in Articles 48, 49 and 50 of this Law when deeming it appropriate.

2. A juvenile victim or witness suffering from physical and spiritual harms shall be applied protective measures at the assistance level prescribed at Points c and d of Clause 2, Article 49, and protective measures at the intervention level prescribed in Article 50 of this Law.

3. A juvenile witness shall have his/her life, health, dignity, honor and privacy protected; the forced escort of and placement of psychological pressure on the child shall be minimized.

Article 72. Responsibility of commune-level child protection officers in the process of legal proceedings, handling of administrative violations, rehabilitation and community reintegration for children

LUẬT TRẺ EM

1. Tư vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ em, trợ giúp pháp lý, xã hội, y tế, giáo dục và các nguồn trợ giúp khác.

2. Tìm hiểu, cung cấp thông tin về hoàn cảnh cá nhân và gia đình của trẻ em cho người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính để áp dụng các biện pháp xử lý, giáo dục và ra quyết định khác phù hợp.

3. Tham gia vào quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính có liên quan đến trẻ em theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; tham gia cuộc họp của **Hội đồng tư vấn** áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn và quá trình xem xét tại Tòa án để áp dụng biện pháp đưa trẻ em vào trường giáo dưỡng.

4. Theo dõi, hỗ trợ việc thi hành các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính, tái hòa nhập cộng đồng đối với trẻ em vi phạm pháp luật; kiến nghị áp dụng biện pháp bảo vệ phù hợp đối với trẻ em vi phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 71 của Luật này.

5. Tham gia xây dựng kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trẻ em và theo dõi việc thực hiện; kết nối dịch vụ và hỗ trợ việc phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em.

Điều 73. Phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em vi phạm pháp luật

1. **Cơ sở giam giữ, trường giáo dưỡng** có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú thực hiện các biện pháp sau đây nhằm chuẩn bị và thúc đẩy việc tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em vi phạm pháp luật:

a) Duy trì mối liên hệ giữa trẻ em với gia đình;

b) Tổ chức học văn hóa, học nghề, kỹ năng sống cho trẻ em;

c) Xem xét, đánh giá quá trình chấp hành việc học tập, rèn luyện của trẻ em tại cơ sở giam giữ, trường giáo dưỡng để đề xuất với cơ quan có thẩm quyền giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù hoặc chấm dứt biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng theo quy định của pháp luật.

2. Chậm nhất là 02 tháng trước khi trẻ em chấp hành xong hình phạt tù, 01 tháng trước khi trẻ em chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, cơ sở giam giữ hoặc trường giáo dưỡng nơi trẻ em đang chấp hành hình phạt tù hoặc biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng có trách nhiệm thông báo và cung cấp thông tin có liên quan cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em về cư trú để chuẩn bị việc tiếp nhận và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em cư trú có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch can thiệp, hỗ trợ và áp dụng biện pháp bảo vệ đối với trẻ em vi phạm pháp luật thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật này.

4. Cơ quan lao động - thương binh và xã hội, tư pháp, công an, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để hướng dẫn, giúp đỡ Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp và áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp khác đối với trẻ em.

Chương V

TRẺ EM THAM GIA VÀO CÁC VẤN ĐỀ VỀ TRẺ EM

LAW ON CHILDREN

1. To provide counseling, information and guidance for children and their parents as well as caregivers to access the services of child protection, legal aid and social assistance, health care, education and other sources of assistance.

2. To seek and supply information on children's personal and family circumstances for persons competent to conduct legal proceedings and persons competent to handle administrative violations in order to apply handling and educative measures and to issue other appropriate decisions.

3. To participate in the legal proceedings and the handling of administrative violations which are related to children in accordance with law or at the request of persons competent to conduct the legal proceedings or persons competent to handle administrative violations; to participate in meetings of the **advisory councils** for application of the administrative violation handling measure of education at a commune, ward or township and in the course of review at the court for application of the measure of sending a child to a reformatory.

4. To monitor and support the execution of the measure of education at a commune, ward or township and the measure that replaces the administrative handling, and community reintegration for juvenile delinquents; to propose the application of appropriate protective measures for juvenile delinquents as prescribed in Clause 1, Article 71 of this Law.

5. To participate in making children supporting and intervention plans and monitor the implementation thereof; to connect services and support the rehabilitation and community reintegration for children.

Article 73. Rehabilitation and community reintegration for juvenile delinquents

1. **Detention camps and reformatories** shall coordinate with commune-level People's Committees in the localities where children reside in applying the following measures in order to prepare for and promote the community reintegration for juvenile delinquents:

a/ Maintaining the relations between children and their families;

b/ Organizing general education, vocational training and life skills classes for children;

c/ Considering and assessing the observance by children of learning and training regulations at detention camps or reformatories in order to propose competent agencies to reduce the imprisonment terms or terminate the measure of education at a reformatory as prescribed by law.

2. At least two months before a child completely serves his/her imprisonment, or one month before a child completely serves the measure of education at a reformatory, the detention camp or reformatory where the child is serving his/her imprisonment or the measure of education at a reformatory shall notify and supply relevant information for the commune-level People's Committee of the place where the child will return to reside, in order to prepare for reception and community reintegration for the child.

3. The chairperson of the commune-level People's Committee of the place where a child resides shall direct the making and implementation of intervention and assistance plans and the application of protective measures for juvenile delinquents in the cases prescribed in Clause 1, Article 71 of this Law.

4. The Labor, War Invalids and Social Affairs, Justice and Public Security agencies, Ho Chi Minh Communist Youth Union organizations and Vietnam Women's Union organizations at the district level shall coordinate with related agencies and organizations in guiding and assisting the commune-level People's Committees in the implementation of assistance and intervention plans and the application of other proper protective measures for children.

Chapter V

CHILDREN'S PARTICIPATION IN MATTERS ON CHILDREN

LUẬT TRẺ EM

Điều 74. Phạm vi, hình thức trẻ em tham gia vào các vấn đề về trẻ em

1. Các vấn đề sau đây về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em phải có sự tham gia của trẻ em hoặc tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em tùy theo độ tuổi của trẻ em:

a) Xây dựng và triển khai chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

b) Xây dựng và thực hiện quyết định, chương trình, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

c) Quyết định, hoạt động của nhà trường, cơ sở giáo dục khác, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;

d) Áp dụng biện pháp, cách thức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ trẻ em của gia đình.

2. Trẻ em được tham gia vào các vấn đề về trẻ em thông qua các hình thức sau đây:

a) Diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, cuộc thi, sự kiện;

b) Thông qua tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em; hoạt động của Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động vì trẻ em;

c) Hoạt động của câu lạc bộ, đội, nhóm của trẻ em được thành lập theo quy định của pháp luật;

d) Tham vấn, thăm dò, lấy ý kiến trẻ em;

đ) Bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trực tiếp hoặc qua kênh truyền thông đại chúng, truyền thông xã hội và các hình thức thông tin khác.

Điều 75. Bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong gia đình

Cha mẹ và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm sau đây:

1. Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi, giải thích ý kiến, nguyện vọng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, sự phát triển của trẻ em và điều kiện, hoàn cảnh của gia đình.

2. Tạo điều kiện, hướng dẫn trẻ em tiếp cận các nguồn thông tin an toàn, phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển toàn diện của trẻ em.

3. Tạo điều kiện để trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng đối với những quyết định, vấn đề của gia đình liên quan đến trẻ em.

4. Không cản trở trẻ em tham gia các hoạt động xã hội phù hợp, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Điều 76. Bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác

Nhà trường, cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm sau đây:

1. Tổ chức và tạo Điều kiện để trẻ em được tham gia các hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, câu lạc bộ, đội, nhóm của trẻ em trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác; các hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội;

2. Cung cấp thông tin chính sách, pháp luật và quy định về giáo dục có liên quan đến học sinh; công khai thông tin về kế hoạch học tập và rèn luyện, chế độ nuôi dưỡng và các khoản đóng góp theo quy định;

3. Tạo Điều kiện để trẻ em được kiến nghị, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về chất lượng dạy và học; quyền, lợi ích chính đáng của trẻ em trong môi trường giáo dục và những vấn đề trẻ em quan tâm;

4. Tiếp nhận ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng của trẻ em, giải

LAW ON CHILDREN

Article 74. Scope and form of children's participation in matters on children

1. The following matters on children or related to children must involve the participation of children or organizations representing their voices and aspirations, depending on the age groups of children:

a/ The formulation and implementation of programs, policies, legal documents, master plans and plans on socio-economic development;

b/ The formulation and implementation of decisions, programs, activities of socio- political organizations, social organizations and socio-professional organizations;

c/ Decisions and activities of schools, other educational institutions, and child protection service establishments;

d/ The application of measures and ways of childcare, nurture, education and protection at families.

2. Children may participate in matters on children in the following forms:

a/ Forums, conferences, seminars, talks, competitions, events;

b/ Via organizations which represent children's voices and aspirations; activities of the Ho Chi Minh Young Pioneer Organization, Ho Chi Minh Communist Youth Union; social organizations and socio-professional organizations operating for the interests of children;

c/ Activities of clubs, teams and groups of children, which are set up in accordance with law;

d/ Consultations and polls on children's opinions;

dd/ Expressing opinions and aspirations directly or through the mass media, social media and other forms of communication.

Article 75. Assurance of children's participation in families

Parents and other members of a family have the following responsibilities:

1. To respect, listen to, consider, respond to, and give explanations to the opinions and aspirations of a child suitable to his/her age, maturity and the family's conditions and circumstances.

2. To create conditions for, and guide a child to access safe information sources suitable to his/her age, gender and all-sided development.

3. To create conditions for a child to express his/her opinions and aspirations on the family's decisions and issues related to the child.

4. Not to prevent a child from participating in appropriate social activities, except where it is for the best interests of the child.

Article 76. Assurance of children's participation in schools and other educational institutions

A school or another educational institution has the following responsibilities:

1. To organize and create conditions for children to participate in activities of the Ho Chi Minh Young Pioneers' Brigade, Ho Chi Minh Communist Youth Union, clubs, teams and groups of children in the school or educational institution; in extra-curricular activities and social activities;

2. To supply information on education policies, laws and regulations which are related to students; to make public information on learning and training plans, nurturing regimes and contributions according to regulations;

3. To create conditions for children to make proposals, express opinions and aspirations on teaching and learning quality; on the rights and legitimate interests of children in the educational environment and matters of their concern;

4. To receive opinions, proposals and aspirations of children, settle

LUẬT TRẺ EM

quyết theo phạm vi trách nhiệm được giao hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết đến trẻ em.

Điều 77. Tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em

1. Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em và giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em.

2. Tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em có nhiệm vụ sau đây:

a) Tổ chức lấy ý kiến, kiến nghị của trẻ em; tổ chức để trẻ em được tiếp xúc với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Thường xuyên lắng nghe, tiếp nhận và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của trẻ em;

c) Chuyển ý kiến, kiến nghị của trẻ em tới các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết;

d) Theo dõi việc giải quyết và phản hồi cho trẻ em về kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em;

e) Hằng năm, báo cáo Ủy ban văn hóa, giáo dục, **thanh niên, thiếu niên và nhi đồng** của Quốc hội và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc xem xét, giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em.

Điều 78. Bảo đảm để trẻ em tham gia vào các vấn đề về trẻ em

1. Cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân có trách nhiệm để trẻ em tham gia vào các vấn đề về trẻ em quy định tại Điều 74 của Luật này và bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Tạo môi trường an toàn, thân thiện, bình đẳng để trẻ em tham gia;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin các vấn đề về trẻ em và các vấn đề trẻ em quan tâm với nội dung, hình thức, biện pháp phù hợp;

c) Khuyến khích sự tham gia của trẻ em; không **trù dập, kỳ thị** khi trẻ em bày tỏ ý kiến, nguyện vọng;

d) Bảo đảm để trẻ em tham gia tự nguyện, chủ động, phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển của trẻ em;

đ) Ý kiến, nguyện vọng của trẻ em và ý kiến của tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em phải được lắng nghe, tiếp nhận, xem xét, giải quyết và phản hồi đầy đủ, kịp thời, khách quan, trung thực.

2. Hằng năm, Hội đồng nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tổ chức gặp mặt, đối thoại, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của trẻ em về các vấn đề trẻ em quan tâm.

3. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc bảo đảm để trẻ em được tham gia vào các vấn đề về trẻ em.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CƠ SỞ GIÁO DỤC, GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN VÀ BỒN PHẬN CỦA TRẺ EM

Mục 1. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

LAW ON CHILDREN

them according to assigned responsibilities or forward them to competent agencies and organizations for consideration and settlement and notify settlement results to children.

Article 77. Organization representing the voice and aspirations of children

1. The Ho Chi Minh Communist Youth Union Central Committee is the organization representing the voice and aspirations of children and supervising the exercise of the rights of children according to their opinions and aspirations.

2. The organization that represent children's voice and aspirations has the following tasks:

a/ To organize the collection of children's opinions and proposals; to organize children's contacts with National Assembly deputies and People's Council deputies;

b/ To regularly listen to, receive and summarize opinions and proposals of children;

c/ To send children's opinions and proposals to competent agencies for settlement;

d/ To monitor the settlement of their opinions and proposals and notify children the settlement results;

dd/ To assume the prime responsibility for, and coordinate with related agencies and organizations in, supervising the exercise of children's rights according to their opinions and aspirations;

e/ To annually report to the National Assembly Committee for Culture, Education, **Youths, Adolescents and Children** and the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs on the performance of responsibilities of related agencies and organizations in considering and settling the opinions and proposals of children.

Article 78. Assurance of children's participation in matters on children

1. Agencies, organizations, educational establishments, families and individuals shall allow children to participate in matters on children as prescribed in Article 74 of this Law and ensure the following requirements:

a/ To create a safe, friendly and equal environment for children's participation;

b/ To supply adequate information on matters related to children and matters of their concern with suitable contents, forms and measures;

c/ To encourage children's participation; not to **retaliate or discriminate** children when they express their opinions and aspirations;

d/ To ensure that children's participation is voluntary, proactive, and suitable to their age, gender and development;

đ/ Opinions and aspirations of children as well as opinions of the organization representing children's voices and aspirations shall be listened to, received, considered, settled and responded to in an adequate, timely, objective and honest manner.

2. Annually, the People's Councils at all levels shall assume the prime responsibility for, and coordinate with related agencies and organizations in, organizing meetings and dialogues to listen to the opinions and aspirations of children on matters of their concern.

3. The Government shall detail the responsibilities of agencies, organizations, educational institutions, families and individuals to ensure children's participation in matters related to them.

Chapter VI

RESPONSIBILITIES OF AGENCIES, ORGANIZATIONS, EDUCATIONAL INSTITUTIONS, FAMILIES AND INDIVIDUALS IN THE MATERIALIZATION OF CHILDREN'S RIGHTS AND DUTIES

Section 1. RESPONSIBILITIES OF AGENCIES AND

ORGANIZATIONS

Điều 79. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp

Article 79. The National Assembly and People's Councils at all levels

1. Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo thẩm quyền để thực hiện quyền trẻ em; giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; phân bổ ngân sách hằng năm để bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.
2. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội để xem xét, đánh giá những vấn đề liên quan đến trẻ em trong dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và việc lồng ghép các Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện quyền trẻ em khi thẩm tra quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em.
3. Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm ban hành nghị quyết để thực hiện và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em trên địa bàn theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. **Đại biểu** Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm thường xuyên và định kỳ tiếp xúc với trẻ em hoặc đại diện trẻ em; tiếp nhận, chuyển và theo dõi, giám sát việc giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức liên quan đến trẻ em.

1. The National Assembly and People's Councils of provincial and district levels shall decide on socio-economic development objectives, targets, policies, programs and plans according to their competence to ensure the exercise of children's rights; supervise the exercise of children's rights as prescribed by law; and allocate annual budgets for the exercise of children's rights.
2. The Ethnic Council and Committees of the National Assembly shall coordinate with the National Assembly's Committee for Culture, Education, Youths, Adolescents and Children in considering and assessing issues related to children in draft laws, ordinances and resolutions of the National Assembly and the National Assembly Standing Committee and the incorporation of objectives and targets on the exercise of children's rights into national socio-economic development master plans and plans during the verification thereof; and oversee the implementation of policies and laws concerning children and the exercise of children's rights.
3. The People's Councils at all levels shall pass resolutions for implementation and supervision of the implementation of children-related policies and laws in their localities according to their assigned tasks and powers.
4. National Assembly **deputies** and People's Council deputies at all levels shall regularly and periodically meet with children or their representatives; receive and forward children-related proposals to related agencies and organizations, and monitor and supervise their settlement thereof.

Điều 80. Chính phủ

Article 80. The Government

1. Thống nhất quản lý nhà nước về trẻ em; ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình về trẻ em; bảo đảm cơ chế và biện pháp phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương trong việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em.
2. Bảo đảm xây dựng và thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu liên quan đến trẻ em trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của quốc gia, ngành, địa phương theo quy định.
3. Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trẻ em theo thẩm quyền.
4. Bảo đảm Điều kiện để tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 77 của Luật này và chỉ đạo, phân công các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với tổ chức này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
5. Hằng năm hoặc **đột xuất báo cáo** Quốc hội kết quả thực hiện quyền trẻ em và việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương liên quan đến trẻ em.

1. To perform the unified state management of children; to promulgate according to its competence, and organize the implementation of, policies, laws and programs on children; to ensure mechanisms and measures for coordination among ministries, ministerial-level agencies, government-attached agencies and localities in the exercise of children's rights and settlement of issues related to children.
2. To identify and materialize the children-related objectives and targets in long-term, medium-term and annual socio-economic development plans of the country, sectors and localities according to regulations.
3. To direct ministries, ministerial-level agencies and government-attached agencies to assume the prime responsibility for, and coordinate in, the inspection, examination and settlement of proposals, complaints, denunciations and in the handling of violation of the law on children according to their competence.
4. To ensure conditions for the organization representing children's voices and aspirations to perform the tasks defined in Clause 2, Article 77 of this Law, and direct and assign ministries, ministerial-level agencies, government-attached agencies and provincial-level People's Committees to coordinate with this organization during the performance of its tasks.
5. To annually or **extraordinarily report** to the National Assembly on the results of exercise of children's rights and performance of children-related tasks by ministries, ministerial-level agencies, government-attached agencies and localities.

Điều 81. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân

Article 81. The People's Courts and People's Procuracies

1. Tòa án nhân dân các cấp áp dụng nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bốn phần của trẻ em, yêu cầu và biện pháp tư pháp cho trẻ em để tiến hành xét xử hành vi vi phạm quyền trẻ em, trẻ em vi phạm pháp luật, ra **quyết định tư pháp** đối với trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em.
2. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Tòa án nhân dân các cấp thực hiện việc xét xử, ra quyết định tư pháp đối với trẻ em

1. The People's Courts at different levels shall apply the principles of guaranteeing the implementation of children's rights and duties and judicial requirements and measures applicable to children to conduct trials of acts of violating children's rights, juvenile delinquents and to issue **judicial decisions** on children or related to children.
2. The Supreme People's Court shall guide the People's Courts at different levels to conduct trials of and issue judicial decisions on

LUẬT TRẺ EM

hoặc có liên quan đến trẻ em vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

3. Viện kiểm sát nhân dân các cấp áp dụng nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em, yêu cầu và biện pháp tư pháp cho trẻ em để thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em.

4. Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em.

5. Đào tạo, bồi dưỡng cho Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Kiểm sát viên tiến hành tố tụng các vụ án có liên quan đến trẻ em về quyền của trẻ em, về tâm lý học, khoa học giáo dục liên quan đến trẻ em.

Điều 82. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trẻ em; điều phối việc thực hiện quyền trẻ em; bảo đảm thực hiện quyền trẻ em được Chính phủ giao hoặc ủy quyền.

2. Tham gia ý kiến bằng văn bản về những vấn đề liên quan đến trẻ em gửi ban soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và các văn bản quy phạm pháp luật khác; đề xuất việc lồng ghép các Mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, ngành, địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương và tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em để giúp Chính phủ chuẩn bị báo cáo Quốc hội hằng năm hoặc đột xuất về kết quả thực hiện quyền trẻ em và việc thực hiện nhiệm vụ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương liên quan đến trẻ em.

4. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương chuẩn bị báo cáo quốc gia việc thực hiện **Công ước của Liên hợp quốc** về quyền trẻ em.

5. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em và sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em và việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Điều 83. Bộ Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan bảo đảm việc bảo vệ trẻ em trong quá trình xử lý vi phạm hành chính.

2. Chủ trì, hướng dẫn việc đăng ký khai sinh, giải quyết các vấn đề về quốc tịch của trẻ em, xác định cha, mẹ cho trẻ em.

3. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về nuôi con nuôi.

4. Quản lý, hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý cho trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật.

LAW ON CHILDREN

children or related to children for the best interests of children.

3. The People's Procuracies at different levels shall apply the principles of guaranteeing the implementation of children's rights and duties and judicial requirements and measures applicable to children to exercise the right to prosecution and supervision of judicial activities for children or related to children.

4. The Supreme People's Procuracy shall guide the People's Procuracies at different levels to exercise the right to prosecution and supervision of judicial activities for children or related to children for the best interests of children.

5. To provide training and retraining in children's rights and psychology and education related to children for judges, people's assessors and procurators who conduct legal proceedings for cases related to children.

Article 82. The Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs

1. To be responsible to the Government for performance of the state management of children; to coordinate the exercise of children's rights; to ensure the exercise of children's rights as assigned or authorized by the Government.

2. To contribute written comments on issues related to children and send them to the committees that draft laws, ordinances or resolutions of the National Assembly or the National Assembly Standing Committee and other legal documents; to propose the incorporation of children-related objectives and targets when formulating national, sectoral or local socio-economic development master plans and plans.

3. To assume the prime responsibility for, and coordinate with ministries, ministerial-level agencies, government-attached agencies, localities and the organization representing children's voices and aspirations so as to assist the Government in preparing annual or irregular reports to the National Assembly on the results of exercise of children's rights and the performance of children-related tasks by ministries, ministerial-level agencies, government-attached agencies and localities.

4. To assume the prime responsibility for, and coordinate with ministries, ministerial-level agencies, government-attached agencies and localities in preparing national reports on implementation of the **United Nation Convention** on the Rights of the Child.

5. To assume the prime responsibility for, and coordinate with ministries, ministerial-level agencies, government-attached agencies and localities in, formulating, guiding and organizing the implementation of, policies and laws on child protection and children's participation in matters on children.

6. To assume the prime responsibility for, and coordinate with related agencies and organizations in, guiding and organizing the prevention and control of children's accidents and injuries and the care for and nurture of disadvantaged children.

Article 83. The Ministry of Justice

1. To assume the prime responsibility for, and coordinate with the Supreme People's Court, the Supreme People's Procuracy and related ministries, ministerial-level agencies and government-attached agencies in, ensuring the protection of children in the course of handling administrative violations.

2. To assume the prime responsibility for and guide the registration of births, settle matters on citizenship of children and identification of parents for children.

3. To assume the prime responsibility for, and coordinate with related ministries, ministerial-level agencies and government-attached agencies in, performing the state management of child adoption.

4. To manage and guide the provision of legal aid for children and their parents and caregivers as prescribed by law.

LUẬT TRẺ EM

Điều 84. Bộ Y tế

1. Bảo đảm trẻ em được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng và công bằng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.
2. Hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi; chăm sóc và tư vấn sức khỏe, tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; tư vấn, hỗ trợ trẻ em chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với độ tuổi.
3. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan hướng dẫn thực hiện việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em khuyết tật, trẻ em bị tai nạn thương tích và các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác.
4. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác y tế trường học bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em.
5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, vệ sinh và phòng bệnh cho phụ nữ mang thai và trẻ em, đặc biệt là trẻ em dưới 36 tháng tuổi.

Điều 85. Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Bảo đảm việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác; xây dựng chương trình, nội dung giáo dục phù hợp với từng độ tuổi trẻ em và bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện của trẻ em; bảo đảm trẻ em được hoàn thành chương trình giáo dục phổ cập và tạo điều kiện học ở trình độ cao hơn.
2. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan quy định tiêu chuẩn trường học, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng, chống bạo lực học đường và trình Chính phủ quy định chi tiết Khoản 4 Điều 44 của Luật này.
3. Tổ chức phổ biến, giáo dục kiến thức về quyền và bổn phận của trẻ em cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.
4. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và áp dụng biện pháp trợ giúp giáo dục phù hợp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số; giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật.
5. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác y tế trường học bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác, giáo dục và phát triển toàn diện trẻ em trong hệ thống giáo dục; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác.
6. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan xây dựng chính sách giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng cho trẻ em; vận động gia đình, xã hội phát hiện, hỗ trợ, bồi dưỡng trẻ em có năng khiếu, tài năng.
7. Hướng dẫn thực hiện sự tham gia của trẻ em trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác quy định tại Điều 76 của Luật này.
8. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan giáo dục, hướng dẫn trẻ em bảo tồn,

LAW ON CHILDREN

Article 84. The Ministry of Health

1. To ensure children's access to quality healthcare services and equality in medical examination and treatment establishments as prescribed by law.
2. To guide the compilation of records for health monitoring and regular medical examinations according to age groups; to provide health care and health and nutrition counseling for pregnant women and children; to provide counseling, screening, diagnosis, prenatal and postnatal treatment; to give advice to and support children on reproductive healthcare suitable to their age.
3. To assume the prime responsibility for, and coordinate with related ministries, ministerial-level agencies and government-attached agencies in, guiding the provision of healthcare for children with disabilities, injured children and other categories of disadvantaged children.
4. To coordinate with the Ministry of Education and Training in guiding and organizing the implementation of school healthcare activities, ensuring healthcare for children in educational institutions; to coordinate with the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs in the prevention and control of accidents and injuries for children.
5. To assume the prime responsibility for, and coordinate with the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs in, providing guidance for parents and caregivers on child care knowledge and skills, nutrition, hygiene and disease prevention for pregnant women and children, especially children under 36 months old.

Article 85. The Ministry of Education and Training

1. To ensure the materialization of children's rights and duties at schools and other educational institutions; to develop educational programs and contents suitable to children of every age group and ensure their quality up to the requirements for all-sided development of children; to ensure children's completion of general education programs and create conditions for their study at higher levels.
2. To assume the prime responsibility for, and coordinate with related ministries, ministerial-level agencies and government-attached agencies in, establishing school standards, building a safe, healthy and friendly educational environment; preventing and controlling school violence, and submit them to the Government for detailing Clause 4, Article 44 of this Law.
3. To organize the dissemination of and education in knowledge on children's rights and duties for students, teachers and educational administrators, and life skills education for students.
4. To organize the implementation of policies and laws and apply education support measures suitable to disadvantaged children and ethnic minority children; to provide integration education for children with disabilities.
5. To assume the prime responsibility for, and coordinate with related ministries, ministerial-level agencies and government-attached agencies in, guiding and organizing school healthcare activities, ensuring healthcare for children in schools and other educational institutions, for education and all-sided development of children in the educational system; preventing and controlling accidents and injuries for children in schools and other educational institutions.
6. To assume the prime responsibility for, and coordinate with related ministries, ministerial-level agencies and government-attached agencies in, formulating policies on education and training, aptitude and talent fostering for children; to mobilize families and the society to detect, assist and foster aptitudes or talented children.
7. To guide children's participation in schools or other educational institutions as prescribed in Article 76 of this Law.
8. To assume the prime responsibility for, and coordinate with related ministries, ministerial-level agencies and government-attached

LUẬT TRẺ EM

phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; thông tin, hướng dẫn cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ em, đặc biệt là trẻ em trong nhà trẻ.

9. Quản lý và hướng dẫn sử dụng thiết bị, đồ chơi sử dụng trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 86. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Bảo đảm trẻ em được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch.

2. Chủ trì, phối hợp với Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh hướng dẫn việc phát triển thiết chế văn hóa, thể thao dành riêng cho trẻ em hoặc trẻ em tham gia sử dụng, hưởng thụ.

3. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh quản lý, hướng dẫn xây dựng chương trình, tiết mục, sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, việc sáng tác văn học, nghệ thuật; phối hợp tổ chức sự kiện văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch dành cho trẻ em và về trẻ em.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn gia đình thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em; giáo dục trẻ em gìn giữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giá trị truyền thống của gia đình; tạo điều kiện cho trẻ em được sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong gia đình theo quy định tại Điều 75 của Luật này.

Điều 87. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin trên các kênh thông tin, truyền thông; được bảo vệ hình ảnh, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân về thư tín, viễn thông và các hình thức trao đổi, lưu giữ thông tin cá nhân.

2. Quản lý, hướng dẫn việc hỗ trợ trẻ em tìm kiếm, thu nhận và phổ biến thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trên các kênh thông tin, truyền thông theo quy định của pháp luật, phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em.

3. Quản lý, hướng dẫn quy chuẩn báo chí, xuất bản, viễn thông, Internet, phát thanh, truyền hình và các hình thức cung cấp, quảng bá thông tin khác dành riêng cho trẻ em, có trẻ em tham gia, liên quan đến trẻ em; bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử và các phương tiện thông tin khác.

4. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nhà báo Việt Nam phát triển báo chí, thông tin, xuất bản phẩm dành riêng cho trẻ em và trẻ em được tham gia; thực hiện biện pháp thông tin, truyền thông cho gia đình, xã hội về kiến thức, kỹ năng bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em; quy định tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng phát thanh, truyền hình, ấn phẩm cho trẻ em theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Luật này.

Điều 88. Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam và cơ quan bảo vệ

LAW ON CHILDREN

agencies in, educating and guiding children to preserve and promote the national cultural identity; to inform and guide parents and caregivers on knowledge and skills for child care and education, especially for children in kindergartens.

9. To manage and guide the use of equipment and toys in schools and other educational institutions under its management.

Article 86. The Ministry of Culture, Sports and Tourism

1. To ensure children's play, recreation, cultural, artistic, physical and sports and tourist activities.

2. To assume the prime responsibility for, and coordinate with the Ho Chi Minh Communist Youth Union Central Committee in, guiding the development of cultural and sports institutions reserved exclusively for children or open for children's participation.

3. To assume the prime responsibility for, and coordinate with related ministries, ministerial-level agencies, government-attached agencies and the Ho Chi Minh Communist Youth Union Central Committee in, managing and guiding the development of cultural and art programs, items and products; literary and artistic creation; to coordinate in organizing cultural, artistic, sports and tourist events for children and related to children.

4. To assume the prime responsibility for, and coordinate with the Ministry of Education and Training, the Ministry of Information and Communications, and the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs in, guiding families to materialize children's rights and duties; educating children in the conservation, preservation and development of the national cultural identity and family tradition values; creating conditions for children to use the languages of their own ethnicities.

5. To assume the prime responsibility for, and coordinate with the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs in, guiding the assurance of children's participation in families as prescribed in Article 75 of this Law.

Article 87. The Ministry of Information and Communications

1. To ensure children's access to information on various information and communication channels; protection of images and information on their privacy and personal secrets in mail and telecommunications and other forms of personal information exchange and storage.

2. To manage and guide the assistance for children in seeking, receiving and imparting information and expressing opinions and aspirations via information and communications channels in accordance with law, suitable to their age, maturity, needs and capacity.

3. To manage and guide the regulations and standards on the press, publication, telecommunications, Internet, radio, television and other form of information provision and dissemination exclusive for children, involving children or related to children; to protect children in the environment of the Internet, computer networks, telecommunication networks, electronic media and other media of communication.

4. To assume the prime responsibility for, and coordinate with related ministries, ministerial-level agencies, government-attached agencies, the Ho Chi Minh Communist Youth Union Central Committee and Vietnam Journalists Association in, developing the press, information and publications exclusively for children and with children's participation; to apply the informing and communication measures to provide families and society with knowledge and skills to ensure the materialization of children's rights and duties; to determine the proportions of content, time, and amounts of time of radio and television broadcasting, and of publications for children as prescribed in Clause 2, Article 46 of this Law.

Article 88. The Ministry of Public Security

1. To assume the prime responsibility for, and coordinate with the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs, the Ho Chi Minh Communist Youth Union Central Committee, the Vietnam Women's

LUẬT TRẺ EM

pháp luật hướng dẫn và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán trẻ em và tội phạm liên quan đến trẻ em.

2. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, yêu cầu và biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính đối với trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại và người làm chứng; đào tạo, bồi dưỡng về quyền trẻ em, về tâm lý học, khoa học giáo dục cho công an viên, cán bộ trường giáo dưỡng và điều tra viên tiến hành tố tụng các vụ án có liên quan đến trẻ em.

3. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan phòng ngừa, ngăn chặn, quản lý, giáo dục trẻ em vi phạm pháp luật.

Điều 89. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến trẻ em theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm hoặc đột xuất gửi báo cáo việc thực hiện quyền trẻ em thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Điều 90. Ủy ban nhân dân các cấp

1. Thực hiện quản lý nhà nước về trẻ em theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em; ban hành theo thẩm quyền chính sách, pháp luật bảo đảm thực hiện quyền trẻ em phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương.

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyền trẻ em; bố trí và vận động nguồn lực bảo đảm thực hiện quyền của trẻ em và bảo vệ trẻ em theo quy định của Luật này; tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo thẩm quyền; bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em ở địa phương; thực hiện trách nhiệm được quy định tại Khoản 2 Điều 45 của Luật này.

3. Hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ cụ thể về thực hiện quyền của trẻ em, bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách thuộc quyền quản lý.

Điều 91. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

1. Giám sát, phản biện, tham vấn, kiến nghị đối với cơ quan nhà nước trong việc xây dựng, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật, phân bổ nguồn lực đáp ứng quyền của trẻ em theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền, vận động thành viên, hội viên, đoàn viên của tổ chức và toàn xã hội hỗ trợ, tham gia thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch, dịch vụ đáp ứng quyền của trẻ em, phòng ngừa hành vi vi phạm quyền của trẻ em.

3. Thực hiện chương trình, kế hoạch, dịch vụ đáp ứng quyền trẻ em theo sự ủy quyền, hỗ trợ của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; chấp hành việc thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

4. Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ngoài việc thực hiện quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, có trách nhiệm sau đây:

LAW ON CHILDREN

Union Central Committee and law enforcement agencies in, guiding and organizing the application of measures to prevent and stop acts of violence, exploitation, sexual abuse and trafficking of children and crimes related to children.

2. To guide and organize the implementation of the principles of guaranteeing the exercise of children's rights and child protection requirements and measures in the process of legal proceedings and administrative-violation handling for juvenile delinquents, juvenile victims and witnesses; to train and retrain in children's rights, psychology and educational science for policemen, reformatory staffs and investigators of cases related to children.

3. To assume the prime responsibility for, and coordinate with related ministries, ministerial-level agencies and government-attached agencies in, preventing, stopping, managing and educating juvenile delinquents.

Article 89. Ministries, ministerial-level agencies and government-attached agencies

1. To perform the tasks and exercise the powers related to children as prescribed by law.

2. To send annual or irregular reports on the exercise of children's rights under their respective tasks and powers to the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs for reporting to the Government.

Article 90. The People's Committees at different levels

1. To perform the state management of children according to their competence; to organize the implementation of policies, laws, plans, target programs and targets on children; to promulgate according to their competence policies and laws to ensure the exercise of children's rights in conformity with local characteristics and conditions.

2. To direct and organize the exercise of children's rights; to allocate and mobilize resources, ensuring the exercise of children's rights and child protection as prescribed by this Law; to organize and manage activities of child protection service establishments according to their competence; to appoint child protection officers in localities; to perform the tasks defined in Clause 2, Article 45 of this Law.

3. To annually report to the People's Councils of the same level on the exercise of children's rights and the settlement of matters related to children in localities.

4. Commune-level People's Committees shall assign specific tasks related to the exercise of children's rights and appoint child protection officers among, commune-level civil servants or part-time officers under their management.

Article 91. The Vietnam Fatherland Front and its member organizations

1. To supervise, give criticisms and advice and make proposals to state agencies in the formulation and implementation of guidelines, policies and laws and the allocation of resources to satisfy children's rights as prescribed by law.

2. To persuade and mobilize their members and the entire society to support and participate in the implementation of policies, programs, plans and services to satisfy children's rights, to prevent violations of children's rights.

3. To implement programs and plans and to provide services satisfying the children's rights under the authorization and with assistance of the Government, ministries, ministerial-level agencies and government-attached agencies; to submit to inspections and examinations as prescribed by law.

4. In addition to complying with the provisions of Clauses 1, 2 and 3 of this Article, the Ho Chi Minh Communist Youth Union Central Committee has the following responsibilities:

LUẬT TRẺ EM

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em quy định tại Khoản 2 Điều 77 của Luật này;

b) Đề xuất với Chính phủ các điều kiện bảo đảm thực hiện trách nhiệm đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em và giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em;

c) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn bảo đảm sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em.

5. Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam ngoài việc thực hiện quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, có trách nhiệm phối hợp với tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em thực hiện giám sát việc bảo đảm quyền, lợi ích của trẻ em.

Điều 92. Các tổ chức xã hội

1. Vận động thành viên của tổ chức và xã hội hỗ trợ, tham gia xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch, dịch vụ đáp ứng quyền của trẻ em, phòng ngừa hành vi vi phạm quyền của trẻ em.

2. Thực hiện chính sách, pháp luật, đáp ứng quyền của trẻ em theo tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức được pháp luật quy định; tiếp nhận, thu thập thông tin từ thành viên và xã hội để phản ánh, kiến nghị, tư vấn cho cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, cá nhân về việc thực hiện chính sách, pháp luật.

3. Tổ chức việc cung cấp dịch vụ đáp ứng quyền của trẻ em theo sự ủy quyền, hỗ trợ của Chính phủ, các cấp chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước; chấp hành việc thanh tra, kiểm tra quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam, ngoài việc thực hiện quy định tại Điều này có trách nhiệm tổ chức việc kết nối, thu thập thông tin, kiến nghị của các tổ chức xã hội và của trẻ em chuyển đến các cơ quan nhà nước để góp ý, tư vấn cho việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về quyền trẻ em; tham gia giám sát thực hiện quyền trẻ em; phát biểu chính kiến và kiến nghị của Hội đối với các cơ quan nhà nước có liên quan về các vấn đề về trẻ em và việc vi phạm pháp luật về trẻ em.

Điều 93. Tổ chức kinh tế

1. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, phải thực hiện đầy đủ quy trình, tiêu chuẩn để bảo đảm cung cấp sản phẩm, dịch vụ an toàn, thân thiện với trẻ em, không gây tổn hại cho trẻ em và không vi phạm quyền của trẻ em theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Người sử dụng lao động tạo điều kiện để người lao động thực hiện trách nhiệm của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật.

3. Người sử dụng lao động tạo điều kiện cho trẻ em được học nghề, được bố trí việc làm phù hợp với khả năng, độ tuổi của trẻ em, điều kiện của tổ chức và theo quy định của pháp luật.

4. Đóng góp và vận động nguồn lực cho việc thực hiện quyền của trẻ em phù hợp với khả năng, điều kiện, mức độ phát triển của tổ chức.

Điều 94. Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em

1. Thủ tướng Chính phủ thành lập tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em để giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, điều hòa giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; phối hợp giữa Chính phủ

LAW ON CHILDREN

a/ To assume the prime responsibility for, and coordinate with related agencies and organizations in, performing the tasks of an organization representing children's voices and aspirations as prescribed in Clause 2, Article 77 of this Law;

b/ To propose to the Government the conditions for fulfillment of its tasks of representing children's voices and aspirations and supervise the exercise of children's rights according to children's opinions and aspirations;

c/ To coordinate with the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs, related agencies and organizations and provincial-level People's Committees in guiding the assurance of children's participation in matters on children.

5. In addition to complying with the provisions of Clauses 1, 2 and 3 of this Article, the Vietnam Women's Union Central Committee shall coordinate with the organization representing children's voices and aspirations in supervising the assurance of children's rights and interests.

Article 92. Social organizations

1. To mobilize their members to support and participate in the formulation and implementation of policies, laws, programs, plans and services satisfying children's rights, and prevention of violations of children's rights.

2. To implement policies and laws to satisfy children's rights in accordance with their respective guiding principles, purposes, tasks and powers prescribed by law; to receive and collect information from their members and the society in order to report, propose and advise agencies, organizations, educational institutions and individuals on the implementation of policies and laws.

3. To organize the provision of services satisfying children's rights under the authorization and with the assistance of the Government, administrations at different levels, and state management agencies; to submit to inspection and examination during the course of implementation as prescribed by law.

4. The Vietnam Society for Protection of Children's Rights shall, in addition to implementing the provisions of this Article, organize the connection, collection of information and proposals of social organizations as well as children and send them to state agencies for comment and advice on the formulation and implementation of policies and laws related to children's rights; participate in the supervision of the exercise of children's rights; to present its opinions and petitions to related state agencies concerning matters on children and violations of the law on children.

Article 93. Economic organizations

1. In the course of their production and business, to strictly comply with the processes and standards in order to ensure the supply of products and services which are safe and friendly to children, are not harmful to children and do not violate children's rights under the regulations and guidance of competent agencies.

2. Employers shall create conditions for employees to fulfill the responsibilities of parents or caregivers of children as prescribed by law.

3. Employers shall create conditions for children to learn jobs and to be employed in accordance with children's capacity and age and the economic organizations' conditions and in accordance with law.

4. To contribute and mobilize resources for the exercise of children's rights in conformity of their respective capabilities, conditions and development level.

Article 94. Inter-sectoral coordination organizations for children

1. The Prime Minister shall set up an inter-sector coordination organization for children to assist the Government and the Prime Minister in the study, direction, coordination, urging and moderation among ministries, ministerial-level agencies, government-attached

LUẬT TRẺ EM

với các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; phối hợp giữa các địa phương trong việc giải quyết các vấn đề về trẻ em, thực hiện quyền của trẻ em.

2. Căn cứ yêu cầu thực tế và điều kiện của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em để giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phối hợp, đôn đốc, điều hòa việc giải quyết các vấn đề trẻ em, thực hiện quyền của trẻ em ở địa phương.

Điều 95. Quỹ Bảo trợ trẻ em

1. Quỹ Bảo trợ trẻ em được thành lập nhằm Mục đích vận động sự đóng góp tự nguyện của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài, viện trợ quốc tế và hỗ trợ của ngân sách nhà nước trong trường hợp cần thiết để thực hiện các mục tiêu về trẻ em được Nhà nước ưu tiên.

2. Việc vận động, quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em phải đúng mục đích, theo quy định của pháp luật.

Mục 2. TRÁCH NHIỆM CỦA GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 96. Bảo đảm cho trẻ em được sống với cha, mẹ

1. Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, các thành viên trong gia đình bảo đảm điều kiện để trẻ em được sống với cha, mẹ.

2. Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình phải chấp hành quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về việc hạn chế quyền của cha, mẹ; tách trẻ em khỏi cha, mẹ để bảo đảm an toàn và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Điều 97. Khai sinh cho trẻ em

Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm khai sinh cho trẻ em đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 98. Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em

1. Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục trẻ em; dành điều kiện tốt nhất theo khả năng cho sự phát triển liên tục, toàn diện của trẻ em, đặc biệt là trẻ em dưới 36 tháng tuổi; thường xuyên liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm để được hướng dẫn, trợ giúp trong quá trình thực hiện trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

2. Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm bảo đảm chế độ dinh dưỡng phù hợp với sự phát triển về thể chất, tinh thần của trẻ em theo từng độ tuổi.

3. Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh cho trẻ em.

4. Phụ nữ mang thai có trách nhiệm tiếp cận dịch vụ y tế để được tư vấn sàng lọc, phòng ngừa các bệnh tật bẩm sinh cho trẻ em.

5. Cha, mẹ, người giám hộ, người chăm sóc trẻ em, các thành viên trong gia đình có trách nhiệm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; trau dồi kiến thức, kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em, tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Điều 99. Bảo đảm quyền học tập, phát triển năng khiếu, vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch của trẻ em

1. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm gương mẫu về mọi mặt cho trẻ em noi theo; tự học để có kiến thức, kỹ năng giáo dục trẻ

LAW ON CHILDREN

agencies; in the coordination between the Government and National Assembly agencies, the Supreme People's Court, the Supreme People's Procuracy, the Vietnam Fatherland Front and its member organizations, social organizations and socio-professional organizations; and in the coordination among localities in settling matters on children and the exercise of children's rights.

2. Based on practical requirements and conditions of their localities, chairpersons of the People's Committees at different levels shall set up inter-sector coordination organizations for children to assist the People's Committees and People's Committee chairpersons of the same level in coordinating, urging and moderating the settlement of matters on children and the exercise of children's rights in localities.

Article 95. The Children Relief Fund

1. The Children Relief Fund shall be set up for the purpose of mobilizing voluntary contributions from agencies, organizations and individuals at home and abroad, and international aid and state budget support in case of necessity, to achieve the children-related targets prioritized by the State.

2. The mobilization for, the management and use of, the Children Relief Fund must comply with the set purposes and the provisions of law.

Section 2. RESPONSIBILITIES OF FAMILIES, INDIVIDUALS AND EDUCATIONAL INSTITUTIONS

Article 96. Guaranty for children to live with parents

1. Parents, care givers and family members shall ensure conditions for children to live with their parents.

2. Parents, care givers and family members shall observe the laws and decisions of competent agencies or persons on restriction of parental rights; separation of children from parents to ensure the safety and best interests of children.

Article 97. Birth registration for children

Parents and caregivers shall register births for children within the time limit prescribed by law.

Article 98. Child care, nurture and education

1. Parents, caregivers and family members shall take care of, nurture, manage and educate children; spare the best conditions according to their capabilities for the continuous and all-sided development of children, especially children under 36 months old; to regularly contact responsible agencies, organizations and individuals for guidance and assistance in the course of performing the responsibility to take care of, nurture and educate children.

2. Parents and caregivers shall ensure the nutritious regime suitable to the physical and spiritual development of children according to their age groups.

3. Parents and caregivers shall implement primary health care and disease prevention for children.

4. Pregnant women shall access health services for counseling on screening and prevention of inborn diseases for their children.

5. Parents, guardians, caregivers and family members shall build up abundant, equal, progressive and happy families; foster their child care, nurture and education knowledge and skills, create a healthy environment for the all-sided development of children.

Article 99. Assurance of children's rights to learning, aptitude development, play, recreation, cultural, sports and tourist activities

1. Parents, teachers, caregivers and family members shall set examples in all aspects for children to follow; to self-study for acquiring knowledge and skills for education of children in morality,

LUẬT TRẺ EM

em về đạo đức, nhân cách, quyền và bổn phận của trẻ em; tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

2. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm bảo đảm cho trẻ em thực hiện quyền học tập, hoàn thành chương trình giáo dục phổ cập theo quy định của pháp luật, tạo Điều kiện cho trẻ em theo học ở trình độ cao hơn.

3. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em phát hiện, khuyến khích, bồi dưỡng, phát triển tài năng, năng khiếu của trẻ em.

4. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em tạo Điều kiện để trẻ em được vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi.

Điều 100. Bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự, bí mật đời sống riêng tư của trẻ em

1. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm sau đây:

a) Trau dồi kiến thức, kỹ năng giáo dục trẻ em về đạo đức, nhân cách, quyền và bổn phận của trẻ em; tạo môi trường an toàn, phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ em; phòng ngừa trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, có nguy cơ bị xâm hại hoặc bị xâm hại;

b) Chấp hành các quyết định, biện pháp, quy định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền để bảo đảm sự an toàn, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự và bí mật đời sống riêng tư của trẻ em;

c) Bảo đảm để trẻ em thực hiện được quyền bí mật đời sống riêng tư của mình, trừ trường hợp cần thiết để bảo vệ trẻ em và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

2. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm trong việc phát hiện, tố giác, thông báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về hành vi xâm hại trẻ em, trường hợp trẻ em có nguy cơ bị xâm hại hoặc đang bị xâm hại trong và ngoài gia đình.

3. Cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em có trách nhiệm lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho trẻ em trong quá trình tố tụng theo quy định của pháp luật.

Điều 101. Bảo đảm quyền dân sự của trẻ em

1. Cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em; đại diện cho trẻ em trong các giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trong trường hợp để trẻ em thực hiện giao dịch dân sự trái pháp luật.

2. Cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em phải giữ gìn, quản lý tài sản của trẻ em và giao lại cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp trẻ em gây thiệt hại cho người khác thì cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em phải bồi thường thiệt hại do hành vi của trẻ em đó gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 102. Quản lý trẻ em và giáo dục để trẻ em thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em

1. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm trong việc quản lý, giáo dục và giúp đỡ để trẻ em hiểu và thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em theo quy định tại Chương II của Luật này.

2. Cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục và giúp đỡ để trẻ em hiểu, nhận thức đầy đủ và thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em theo quy định tại Chương II của Luật này.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

LAW ON CHILDREN

personality and children's rights and duties; create a healthy environment for children's all-sided development.

2. Parents, teachers and caregivers shall ensure that children can exercise their rights to study, complete the universal education program in accordance with law, and create conditions for children to continue their study at higher levels.

3. Parents, teachers and caregivers shall detect, encourage, foster and develop children's talent and aptitude.

4. Parents, teachers and caregivers shall create conditions for children to participate in play, recreation, cultural, sports and tourist activities suitable to their age.

Article 100. Protection of children's lives, bodies, dignity, honor and privacy

1. Parents, teachers, caregivers and family members have the following responsibilities:

a/ To foster their knowledge and skills for education of children in morality, personality, children's rights and duties; to create a safe environment, preventing accidents and injuries for children; to prevent children from falling into special circumstances and being at risk of abuse or being abused;

b/ To observe decisions, measures and regulations of competent agencies or persons in order to ensure the safety and to protect the lives, bodies, dignity, honor and privacy of children;

c/ To provide guaranty for children to exercise their rights to privacy, except where it is necessary to protect children and for the best interests of children.

2. Parents, teachers, caregivers and medical examination and treatment practitioners shall detect, denounce and notify acts of child abuse and children who are at risk of abuse or are being abused in and outside their families to competent agencies or persons.

3. Parents and guardians of children shall select defense counsels for or defend by themselves children in the course of legal proceedings as prescribed by law.

Article 101. Assurance of children's civil rights

1. Parents and guardians of children and family members shall protect the lawful rights and interests of children; represent children in civil transactions as prescribed by law; and take responsibility in cases where children perform illegal civil transactions.

2. Parents and guardians of children shall keep and manage children's property and hand over the property to them in accordance with law.

3. If a child causes damage to another person, his/her parents or guardian shall pay compensations for the damage caused by his/her acts as prescribed by law.

Article 102. Management and education of children to enable them to exercise their rights and perform their duties

1. Parents, teachers, caregivers and family members shall assume responsibility in the management, education and assistance so that children understand and exercise their rights and perform their duties prescribed in Chapter II of this Law.

2. Parents, teachers, caregivers and family members shall closely coordinate in the management, education and assistance so that children fully understand and perceive and exercise their rights and perform their duties prescribed in Chapter II of this Law.

Chapter VII

IMPLEMENTATION PROVISIONS

LUẬT TRẺ EM

Điều 103. Hiệu lực thi hành

- Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2017.
- Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em số 25/2004/QH11 **hết hiệu lực** kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 104. Điều Khoản chuyển tiếp

Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc cấp đăng ký hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phải làm thủ tục thành lập hoặc đăng ký lại.

Điều 105. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà **bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự** theo quy định của pháp luật.

Điều 106. Quy định chi Tiết

Chính phủ quy định chi tiết các Điều, Khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2016.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân

LAW ON CHILDREN

Article 103. Effect

- This Law takes effect on June 1, 2017.
- Law No. 25/2004/QH11 on Child Protection, Care and Education **ceases to be effective** on the effective date of this Law.

Article 104. Transitional provisions

Child protection service establishments already set up by competent state agencies or granted operation registrations before this Law takes effect shall not be required to carry out establishment or re-registration procedures.

Article 105. Handling of violations

Violators of the provisions of this Law shall be **disciplined, administratively sanctioned or examined for penal liability** in accordance with law, depending on the nature and severity of their violations.

Article 106. Provision on detailing

The Government shall detail the articles and clauses as assigned in this Law.

This Law was passed on April 5, 2016, by the XIIIth National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam at its 11th session.

CHAIRMAN

(Signed)

Nguyen Thi Kim Ngan